

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12842/BTC-DNTN

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

V/v góp ý dự thảo Báo cáo tình hình
thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT,
HTX giai đoạn 2021 - 2025 và xây
dựng Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi:

- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) giai đoạn 2021 - 2030 và Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ) và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2026 - 2030.

Để có cơ sở hoàn thiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đề nghị Quý cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tham gia góp ý đối với 02 Dự thảo nêu trên.

Ý kiến của Quý cơ quan xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 30/8/2025, đồng thời gửi kèm bản điện tử tới email: kinhtetapthe.btc@gmail.com để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp trong công tác của Quý cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, DNTN (07b) 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Tâm

DANH SÁCH GỬI CÔNG VĂN

1. Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng;
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
3. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
4. Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
5. UBND 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) giai đoạn 2021 - 2025, Bộ Tài chính báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

Bước vào thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 – 2025, tình hình thế giới có nhiều diễn biến mới, phức tạp, khó lường. Căng thẳng chính trị, thương mại và xung đột quân sự diễn ra khắp các khu vực, đại dịch COVID-19 đã gây ra đứt gãy chuỗi cung ứng, làm thay đổi phương thức sản xuất và tiêu dùng, đồng thời thúc đẩy xu hướng phát triển bền vững, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số... Những chuyển biến này vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội đối với các mô hình kinh tế truyền thống, trong đó có khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX).

Nhằm nâng cao nhận thức của xã hội và tôn vinh giá trị của hợp tác xã, Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã thông qua Nghị quyết công nhận năm 2025 là năm quốc tế về Hợp tác xã với chủ đề “Hợp tác xã xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn”.

Trong nước, Đảng và Nhà nước tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của KTTT, HTX trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thông qua các chủ trương, chính sách lớn như Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới, Luật Hợp tác xã năm 2023. Đặc biệt, trong năm 2025 cả hệ thống chính trị đang quyết liệt thực hiện cuộc cách mạng về sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cấp và triển khai 04 Nghị quyết chiến lược nhằm mục tiêu và định hình đường lối phát triển của đất nước trong thời gian tới. Đây là những nền tảng quan trọng để thúc đẩy phát triển khu vực KTTT, HTX theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững, phù hợp với tình hình đất nước và hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, KTTT, HTX trong nước giai đoạn 2021-2025 đối mặt với nhiều khó khăn. Tác động kéo dài của đại dịch, biến đổi khí hậu, thiên tai, chi phí đầu vào tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến năng lực sản xuất kinh doanh của HTX. Bên cạnh đó, năng lực nội tại của nhiều HTX vẫn còn hạn chế, quy mô nhỏ, nguồn vốn thiếu, cán bộ quản lý chưa được đào tạo chuyên sâu, khả năng tiếp cận thị trường và công nghệ còn thấp. Tính liên kết giữa các HTX và giữa HTX với doanh nghiệp trong chuỗi giá trị còn hạn chế, chưa phát huy được vai trò dẫn dắt và hợp tác hiệu quả. Trong bối cảnh đó, việc tận dụng các cơ hội từ chuyển đổi số, các chương trình hỗ trợ của Nhà nước, cũng như chủ động nâng cao năng lực quản trị, đổi mới phương thức hoạt động sẽ là yếu tố then chốt để KTTT, HTX phát triển vững chắc trong giai đoạn tới.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu về số lượng

Thống kê sơ bộ¹, ước đến ngày 31/12/2025:

- Toàn quốc có 65.918 THT (đạt 49,1% mục tiêu kế hoạch và giảm 693 THT so với năm 2020) với 1.003.039 thành viên (đạt 55,7% mục tiêu kế hoạch và giảm 63.621 thành viên so với năm 2020).

- Số lượng HTX là 35.041 HTX (đạt mục tiêu kế hoạch), tăng 8.929 HTX (tương đương tăng 34,2%) so với năm 2020. Tổng số thành viên tham gia HTX là 5.984.363 thành viên (đạt 84,2% mục tiêu kế hoạch), tăng 108.930 thành viên (tăng 1,85%) so với năm 2020.

- Cả nước có 164 LHHTX, đạt 78% mục tiêu kế hoạch, tăng 64 LHHTX (tăng 64%) so với năm 2020. Tổng số HTX thành viên là 1.057 (đạt 96,1% mục tiêu kế hoạch, tăng 421 HTX (khoảng 66,2%) so với năm 2020.

¹ Tổng hợp số liệu của bộ, ngành, 61/63 địa phương đã gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại công văn số 5249/BTC-DNTN ngày 22/4/2025.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu về chất lượng

- Doanh thu bình quân của một HTX năm 2025 ước đạt là 4.562 triệu đồng/HTX/năm, tăng 4% so với năm 2020. Lãi bình quân của một HTX năm 2025 ước đạt là 421 triệu đồng/HTX/năm, tăng 107 triệu đồng/HTX so với năm 2020.

- Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX tăng từ 51,3 triệu đồng/năm năm 2020 lên 64 triệu đồng/năm 2025 (tăng 12,7 triệu đồng, tăng 24,8%).

- Ước đến 31/12/2025, số lượng HTX hoạt động đạt loại tốt, khá đạt 27.375 HTX, bằng 78,1% số lượng HTX cả nước (đạt mục tiêu), tăng 16.282 HTX (tăng 46,8%) so với năm 2020.

- Tổng số lượng cán bộ quản lý HTX tăng từ 107.506 người năm 2020 lên 135.986 người năm 2025 (tăng 28.480 người, tăng 26,5% so với năm 2020). Trong đó:

+ Số lượng cán bộ quản lý HTX đạt trình độ sơ, trung cấp năm 2025 là 66.230 người, tăng 16.147 người so với năm 2020 (khoảng 32.2%);

+ Số lượng cán bộ quản lý đạt trình độ cao đẳng, đạt học trở lên đạt 34.755 người năm 2025, bằng 25,5% tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã cả nước (tăng 11.178 người, khoảng 47,4% so với năm 2020 và đạt 100% mục tiêu).

- Cả nước có 2600 HTX ứng dụng công nghệ cao (đạt 86% mục tiêu). Bên cạnh đó, có khoảng 4.700 HTX tham gia liên kết chuỗi giá trị theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 22/7/2021 về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, có gần 40% HTX nông nghiệp liên kết sản xuất theo chuỗi (đạt mục tiêu đề ra).

- Đa phần các HTX đã được chuyển đổi, tổ chức lại theo quy định Luật HTX năm 2012. Số lượng các HTX giải thể trong giai đoạn 2021 - 2025 là 4.493 HTX.

Tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện 2021-2025	Mức độ hoàn thành
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	35.000	35.041	Đạt
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Nghìn người	7.100	5.984	Không đạt

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021-2025	Thực hiện 2021-2025	Mức độ hoàn thành
3	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LHHTX	210	164	Không đạt
4	Tổng số hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã	HTX	1.100	1.057	Không đạt
5	Tổng số tổ hợp tác	THT	134.000	65.918	Không đạt
6	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn người	1.800	1.003	Không đạt
7	Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá trên tổng số hợp tác xã	%	60	78,1	Đạt
8	Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học	%	24	25,5	Đạt
9	Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao	HTX	3.000	2.600	Không đạt
10	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	%	35	40	Đạt

Như vậy, có 04/10 chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt kế hoạch đề ra, trong đó các chỉ tiêu về chất lượng đạt ở mức cao (Số HTX hoạt động đạt loại tốt, khá trên tổng số HTX; Tỷ lệ cán bộ quản lý HTX tốt nghiệp cao đẳng, đại học; Tỷ lệ HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị). Một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch, tăng trưởng rất chậm (số LHHTX, thành viên của LHHTX, thành viên HTX,...) hoặc giảm đi so với đầu giai đoạn (số lượng THT, số thành viên THT).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Kết quả thực hiện định hướng theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

1.1. Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp

Các HTX nông nghiệp tiếp tục là một trong những lĩnh vực đóng vai trò chủ đạo của khu vực KTTT, HTX. Chất lượng hoạt động của HTX nông nghiệp ngày càng được cải thiện, đa phần đều có sự gắn kết chặt chẽ với chính quyền địa phương triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động của HTX, góp phần vào phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Có trên 20% HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến. Các HTX và tổ hợp tác tham gia tích cực vào chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP. Trong số 8.476

chủ thể OCOP có 32% là HTX, 22,3% là doanh nghiệp nhỏ, 31,7% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác. Các HTX có sản phẩm OCOP, từng bước chuyển đổi hoạt động, thực hiện chức năng tiêu thụ sản phẩm, gắn với việc xây dựng sản phẩm có tiêu chuẩn, quy chuẩn, bao bì, nhãn mác và thương hiệu của HTX, thay vì chỉ làm các dịch vụ đầu vào cho các thành viên.

Các HTX nông nghiệp đã chủ động trong việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý hoạt động và sản xuất. Có khoảng 37,5% số HTX áp dụng nông nghiệp thông minh... Chuyển đổi số bắt đầu hình thành nền tảng như: Mô hình triển khai hệ thống phần mềm kế toán Sorimachi Nhật Bản tại hơn 300 HTX thuộc các tỉnh ĐBSCL, giúp các HTX minh bạch tài chính và quản trị hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, các HTX nông nghiệp đã tăng cường liên kết chặt chẽ với các HTX thuộc các lĩnh vực (có 60,4% HTX nông nghiệp liên kết với HTX thương mại, giao thông vận tải, du lịch) trong tiêu thụ sản phẩm thông qua các phương thức thương mại điện tử như Facebook, Zalo, Shopee, Lazada; liên kết với đa dạng đối tượng gắn với từng nhu cầu cụ thể như trường học, nhà hàng, các cửa hàng bán lẻ nhằm thúc đẩy hoạt động tiêu thụ sản phẩm, từ đó giúp tăng cao doanh thu và thu nhập cho thành viên.

Tại các địa bàn khó khăn, vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mô hình HTX khẳng định vai trò quan trọng trong kết nối các hộ sản xuất cá thể, sản xuất nhỏ lẻ, hỗ trợ tích cực đối với các thành viên trong thành lập mới mô hình HTX. Cả nước có 1.203 mô hình hiệu quả trong trồng cây dược liệu, mô hình du lịch sinh thái cộng đồng, mô hình gia trại, trang trại nấm, mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung xa khu dân cư, mô hình cánh đồng mẫu lớn gắn với sản xuất hàng hóa chất lượng cao.

Các bộ, ngành, địa phương đã tích cực thực hiện các chính sách hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp, góp phần nâng cao năng lực sản xuất của các HTX, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước tới lĩnh vực HTX nông nghiệp. Việc định hướng phát triển và hỗ trợ các HTX nông nghiệp đã giúp khai thác thế mạnh và lợi thế vùng, địa phương cũng như tri thức bản địa nhằm giúp phát triển kinh tế xã hội địa phương, giảm nghèo và tạo việc làm bền vững.

Ước đến 31/12/2025, cả nước có khoảng 23.455 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và diêm nghiệp, tăng 5.832 HTX (tăng 33,1%) so với năm 2020. Số THT trong lĩnh vực ước đạt 34.000 THT, tăng 4.013 THT (tăng 13%) so với năm 202; và số LHHTX là 117 LHHTX (tăng 63 LHHTX (tăng 116,7%) so với năm 2020. Số thành viên HTX tăng từ 3,5 triệu thành viên năm 2020 lên 4,4 triệu thành viên năm 2025; lao động thường xuyên tăng từ

850.000 người lên 1,7 triệu người. Doanh thu bình quân/HTX tăng từ 1,2 tỷ lên 2,7 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân tăng từ 240 triệu đồng/HTX/năm ước lên 500 triệu đồng/HTX/năm.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Các HTX lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đã tích cực chuyển đổi phương thức quản trị, nâng cao hiệu quả sản xuất, tìm kiếm cơ hội kinh doanh, tận dụng được các lợi thế sẵn có của địa phương. Liên minh HTX Việt Nam và các địa phương hỗ trợ các HTX tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm nhằm quảng bá các sản phẩm đặc trưng mang nét văn hóa đặc sắc của địa phương thông qua các sản phẩm. Các HTX tiếp tục chủ động mở rộng kênh phân phối, thị trường; nhiều HTX tiểu thủ công nghiệp đạt chất lượng xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Châu Âu, Hoa Kỳ... hoạt động ngày càng ổn định và tạo tiền đề thúc đẩy sự phát triển của các ngành nghề tại địa phương.

Đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ, các HTX tập trung vào các ngành nghề như du lịch, quản lý chợ, cung cấp các loại hàng hóa như xăng dầu, vật tư đầu vào nông nghiệp có nhu cầu khối lượng lớn như phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật... Các HTX thương mại, dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc trở thành cầu nối cung ứng hàng hóa của các HTX và thành viên tới các kênh tiêu thụ (trung tâm phân phối, siêu thị, cửa hàng bán lẻ...).

Các HTX có xu hướng thành lập mới theo hướng kinh doanh tổng hợp. Ngày càng nhiều HTX tham gia vào hệ thống phân phối và chuỗi kinh doanh của LHHTX thương mại hoặc các doanh nghiệp nhằm tăng sức cạnh tranh, đảm bảo hoạt động ổn định. Thực tiễn ghi nhận nhiều mô hình mới trong đó mô hình HTX du lịch cộng đồng đang trở thành một hướng đi đầy tiềm năng để phát triển kinh tế nông thôn, bảo tồn văn hóa và tạo sinh kế bền vững cho người dân địa phương. Các HTX du lịch cộng đồng đang được khuyến khích phát triển theo hướng lấy người dân là trung tâm, gắn kết, khai thác nông nghiệp và văn hóa bản địa.

Một số tỉnh đã hình thành nhiều HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở những vùng có nhiều làng nghề, cụm công nghiệp như HTX Mỹ nghệ Hoa Mai (Lào Cai), HTX mây tre đan An Khánh, HTX cơ khí Việt Hà (Hưng Yên)... Việc tham gia liên kết đã giúp các HTX tăng cường hoạt động hỗ trợ lẫn nhau về kỹ thuật, thị trường, vốn và công tác quản lý để từ đó khai thác hiệu quả lợi thế cạnh tranh, phát huy kinh nghiệm sản xuất trong các ngành nghề truyền thống.

Ước đến 31/12/2025, cả nước có khoảng HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, tăng 2.044 HTX (tăng

52,5%) so với năm 2020, trong đó, số lượng HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là 2.927 HTX (tăng 52,5%) so với năm 2020, số lượng HTX thương mại, dịch vụ là 3.007 HTX (tăng 52,5%) so với năm 2020.

1.3. Lĩnh vực xây dựng

Để nâng cao chất lượng hoạt động của các HTX lĩnh vực xây dựng (bao gồm xây dựng và giao thông vận tải), các cơ quan quản lý nhà nước tại trung ương và địa phương đã kịp thời hướng dẫn thực hiện Luật HTX 2023, các văn bản hướng dẫn Luật cùng với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành tới các HTX nhằm từng bước ổn định và tạo điều kiện cho các HTX phát triển. Một số địa phương đã chủ động xây dựng chương trình phối hợp giữa các sở, ban, ngành, liên minh HTX tỉnh nhằm tăng cường hoạt động hỗ trợ nâng cao hoạt động hiệu quả của khu vực KTTT, HTX; từ đó vận động được nhiều HTX thành lập mới như tại Đắk Lắk, Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ....

Giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục ghi nhận sự phát triển cả về số lượng phương tiện lẫn chất lượng dịch vụ của HTX vận tải đường bộ ngày càng chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và di chuyển của người tiêu dùng. Các HTX chủ yếu kinh doanh các dịch vụ như hoạt động xe buýt, đăng ký lưu hành, bến bãi, luồng tuyến... với tổ chức quản trị tương đối bài bản, khoa học, công tác điều hành và quản lý ngày càng hiện đại, thường xuyên ứng dụng các phần mềm kinh doanh mới (như hệ thống đặt vé, hệ thống quản lý kho bãi...).

Mạng lưới HTX đường thủy nội địa và hàng hải cũng được mở rộng đáng kể. Số lượng phương tiện thủy nội địa đăng ký mới tăng khoảng 11,5%; có khoảng 12,5% thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa được đào tạo chuyên môn. Việc hình thành các mạng lưới vận tải đã tạo thuận lợi cho sự lưu thông hàng hóa, phát triển hoạt động logistics và thúc đẩy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh liên vùng.

Trong lĩnh vực xây dựng, các HTX tập trung huy động vốn, đầu tư phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, nâng cao công tác quản lý đầu tư để mở rộng khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng và thi công công trình xây dựng. HTX lĩnh vực xây dựng tiêu biểu có thể kể đến như: HTX sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam Bình, HTX CN xây dựng Ngan Dừa, HTX xây dựng Minh Phú (Bạc Liêu)...

Ước đến 31/12/2025, cả nước có 2.983 HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, tăng 979 HTX (tăng 48,8%) so với năm 2020, trong đó, số lượng HTX xây dựng là 897 HTX, số lượng HTX giao thông vận tải là 2.086 HTX. Thành viên HTX thuộc lĩnh vực ước khoảng trên 117.000 người, trong đó số lượng thành viên mới tham gia khoảng 4.600 người (chủ yếu là các HTX vận

tải đường bộ). Doanh thu bình quân của một HTX vận tải hàng hóa đạt khoảng 1 tỷ đồng/ tháng, thu nhập bình quân của người lao động đạt 6 triệu đến 6,2 triệu đồng/ người/ tháng.

1.4. Lĩnh vực tín dụng

Cùng với việc duy trì hoạt động kinh doanh ổn định, các quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) triển khai thực hiện Quyết định 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”; Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ “Về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống QTDND” theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1187/TTg-KTTH ngày 21/12/2022 về việc thực hiện Chỉ thị số 06; Quyết định số 209/QĐ-NHNN ngày 31/01/2019 phê duyệt Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Hoạt động của hệ thống các QTDND đã được củng cố, chấn chỉnh theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức, đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn, xóa bỏ tình trạng cho vay nặng lãi, bảo đảm an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tập thể. Nhìn chung hoạt động của hệ thống QTDND tương đối ổn định, các chỉ tiêu cơ bản đều có mức tăng trưởng khá, hầu hết các QTDND kinh doanh có lãi, nợ xấu toàn hệ thống có tỷ lệ thấp.

Về hoạt động của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (NHHTX): hiện có 32 chi nhánh và 66 phòng giao dịch với tổng tài sản đạt 61.708 tỷ đồng, tăng 41,4% so với năm 2020; tổng dư nợ cho vay đạt 36.516 tỷ đồng, tăng 92,5% so với cuối năm 2020, trong đó cho vay QTDND thành viên đạt 2.582 tỷ đồng (chiếm 7,1% tổng dư nợ cho vay) giảm 29% so với cuối năm 2020; tỷ lệ nợ xấu 0,36%. Kết quả hoạt động kinh doanh của NHHTX có chênh lệch thu nhập lớn hơn chi phí là 282,3 tỷ đồng. Với vai trò là ngân hàng đầu mối liên kết hệ thống, NHHTX có được nguồn vốn từ các QTDND khá cao, chiếm 74,7% tổng tài sản (thời điểm 31/12/2020 là 68%). Dư nợ cho vay các QTDND thành viên đạt 2.582 tỷ đồng (giảm 29% so với 31/12/2020); tỷ trọng dư nợ cho vay QTDND/tổng dư nợ cho vay ở mức 7,1% (thời điểm 31/12/2020 là 8,3%).

Đến năm 2025, cả nước có 1.176 QTDND (giảm 0,9% so với cuối năm 2020), hoạt động trên 57 tỉnh, thành phố. Kết quả hoạt động của hệ thống QTDND thể hiện ở những chỉ tiêu cơ bản như: Tổng nguồn vốn đạt 191.476 tỷ đồng, tăng 33% so với cuối năm 2020; Tổng dư nợ đạt 138.723 tỷ đồng (tăng 30,6% so với cuối năm 2020), chiếm 72,4% tổng nguồn vốn hoạt động. Tỷ lệ nợ xấu là 0,68%.

1.5. Lĩnh vực khác

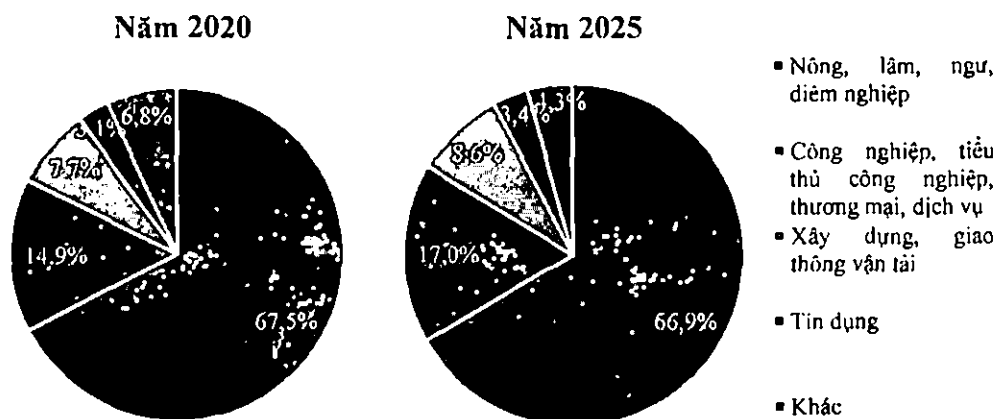
Trong xu thế phát triển, đã xuất hiện nhiều mô hình HTX kiểu mới cung cấp các dịch vụ, sản phẩm theo nhu cầu của thị trường như môi trường, giáo dục, tiêu dùng... HTX do nông dân, phụ nữ, người khuyết tật quản lý hoặc có đông thành viên, người lao động là các đối tượng này.

Trong lĩnh vực môi trường, các HTX đã góp phần làm tốt công tác thu gom, vận chuyển rác thải gắn với địa bàn khu dân cư, nhất là vùng nông thôn, tiêu biểu như HTX vệ sinh môi trường Tiên Phong, HTX môi trường Phong Vân, HTX môi trường xanh Nga Sơn...; mô hình HTX chợ hoạt động ổn định, tạo việc làm cho thành viên và người lao động. Bên cạnh đó, nhiều loại hình HTX mới như HTX trường học, HTX y tế ngày càng thu hút được đông đảo thành viên tham gia, đặc biệt đội ngũ cán bộ quản lý HTX với trình độ chuyên môn cao.

Một số HTX có đội ngũ cán bộ tâm huyết, có kinh nghiệm, nhạy bén với cơ chế thị trường, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của HTX. Thông qua HTX, các hộ thành viên có điều kiện tham gia và được hỗ trợ của Nhà nước, của các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

Đánh giá chung, các định hướng phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu theo Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 đã được triển khai tương đối hiệu quả và đúng hướng. Các HTX nông nghiệp tiếp tục phát huy vai trò chủ đạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới gắn với các sản phẩm ngành nghề nông thôn và sản phẩm chủ lực quốc gia; các HTX công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ được củng cố và từng bước mở rộng hoạt động cả phạm vi và ngành nghề sản xuất, kinh doanh; các HTX xây dựng, giao thông tiếp tục phát triển số lượng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động gắn với chuyển đổi số; các quỹ tín dụng nhân dân được củng cố, hoạt động an toàn gắn với mục tiêu tương trợ giữa các thành viên... Cơ cấu ngành, lĩnh vực hoạt động của các HTX có chuyển biến tích cực theo hướng giảm nhẹ tỷ trọng HTX nông nghiệp, tăng các HTX lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, chế biến, xây dựng và giao thông vận tải.

Biểu đồ 1. Cơ cấu số lượng HTX phân theo ngành, lĩnh vực



2. Kết quả thực hiện định hướng theo vùng, lãnh thổ²

2.1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Trong những năm qua, khu vực Trung du và miền núi phía Bắc đã có sự chuyển biến tích cực trong phát triển KTTT, HTX. Các HTX lĩnh vực nông nghiệp đã chủ động tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với định hướng phát triển các sản phẩm nông nghiệp an toàn, hữu cơ, gắn với lợi thế của vùng như chè, quế, hồi, dược liệu và chăn nuôi đại gia súc... Vai trò của HTX trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân - HTX - doanh nghiệp ngày càng được phát huy hiệu quả thông qua việc HTX (như tại Bắc Giang) trở thành đầu mối khâu thu mua và đưa các sản phẩm ra thị trường từ đó giúp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận cho người dân, đảm bảo ổn định nguồn cung cho doanh nghiệp.

Một số địa phương như Lạng Sơn, Yên Bái, Lào Cai... đã tập trung phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ các HTX chuyển đổi số, chuẩn hóa quy trình tiêu chuẩn sản xuất, bước đầu xây dựng được thương hiệu sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc để nâng cao giá trị hàng hóa. Bên cạnh đó, nhiều mô hình HTX đặc thù do phụ nữ, người dân tộc thiểu số tham gia quản lý và làm chủ ngày càng tăng về số lượng; xuất hiện các mô hình HTX du lịch cộng đồng (hoạt động vừa quảng bá, bảo vệ nét văn hóa đặc sắc của địa phương, vừa tăng thu nhập, tạo việc làm và đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân).

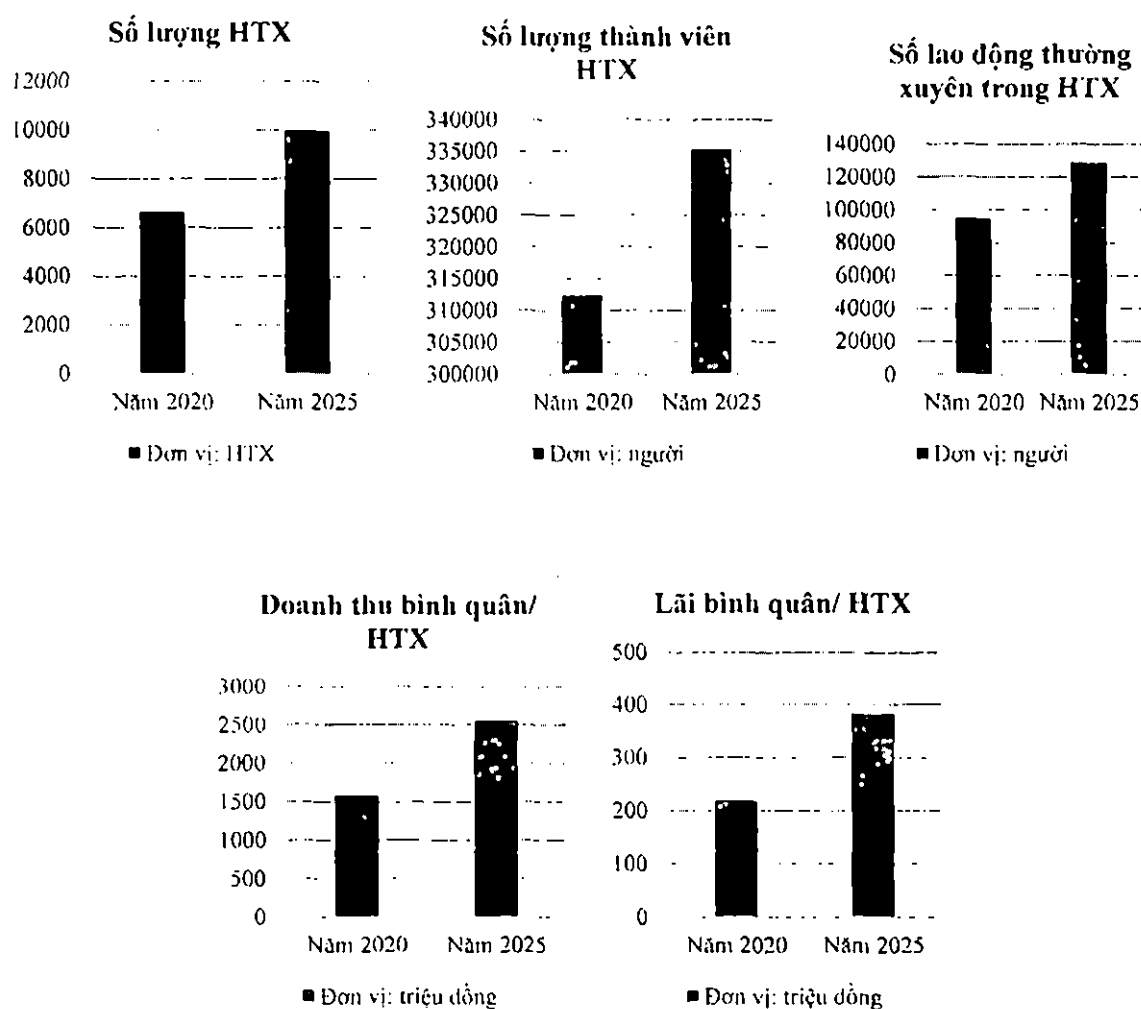
Trong vùng đã từng bước hình thành các mô hình sản xuất của các HTX gắn với chuỗi giá trị, tích cực phát triển sản phẩm OCOP (như Phú Thọ, Yên Bái),

² Kết quả phát triển KTTT, HTX theo định hướng tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021, việc phân vùng kinh tế và số liệu dựa trên báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước thời điểm thực hiện sắp xếp địa giới hành chính (ngày 01/7/2025).

góp phần quan trọng vào tăng thu nhập, tạo việc làm ổn định và thúc đẩy kinh tế nông thôn, nhất là ở các vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số. Trên địa bàn một số tỉnh như Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai đã bước đầu hình thành mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

Ước đến 31/12/2025, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 9.966 HTX, HTX tăng 3.314 HTX (tăng 49,8%) so với năm 2020. Tổng số thành viên HTX là 335.278 thành viên (tăng 22.897 thành viên, tăng 7,3% so với năm 2020); tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2025 là 128.769 người (tăng 33.411 người, tăng 35% so với năm 2020). Doanh thu bình quân của HTX đạt 2.557 triệu đồng/HTX/năm, tăng 974 triệu đồng (tăng 61,5% so với năm 2020). Lãi bình quân của 01 HTX ước đạt 383,5 triệu đồng/HTX/năm, tăng 164,2 triệu đồng (tăng 74,8% so với năm 2020).

Biểu đồ 2. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX vùng Trung du và miền núi phía Bắc



2.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng

Trong giai đoạn 2021 - 2025, KTTT, HTX tại vùng Đồng bằng sông Hồng tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, hiện đại. Các địa phương trong vùng đã chủ động cụ thể hóa định hướng chung bằng nhiều giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng tỉnh, bước đầu đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Các địa phương trong vùng đã tập trung nguồn lực để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao, gắn với sản phẩm chủ lực. Nhiều HTX đã tổ chức sản xuất chuyên canh theo vùng thế mạnh, hình thành các chuỗi giá trị nông sản như tại Hưng Yên có hơn 200 HTX chuyên canh trồng nhãn, nhiều HTX đã được cấp chứng nhận VietGAP, tham gia chuỗi tiêu thụ với hệ thống siêu thị lớn.

Bên cạnh đó, khả năng thích nghi của HTX với cơ chế thị trường ngày càng được nâng cao. Nhiều HTX đã chuyển hướng từ cung cấp dịch vụ đầu vào sang tham gia sâu vào các hoạt động chế biến, tiêu thụ sản phẩm và dịch vụ phi nông nghiệp (như tại Ninh Bình có hơn 80 HTX đã ký hợp đồng liên kết tiêu thụ ổn định với các doanh nghiệp; tại Hải Dương, HTX không chỉ cung ứng giống, phân bón mà còn hợp đồng tiêu thụ rau an toàn cho chuỗi nhà hàng, trường học tại Hải Phòng và Hà Nội). Các HTX ngày càng thể hiện vai trò trung tâm trong chuỗi giá trị, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản vùng đồng bằng.

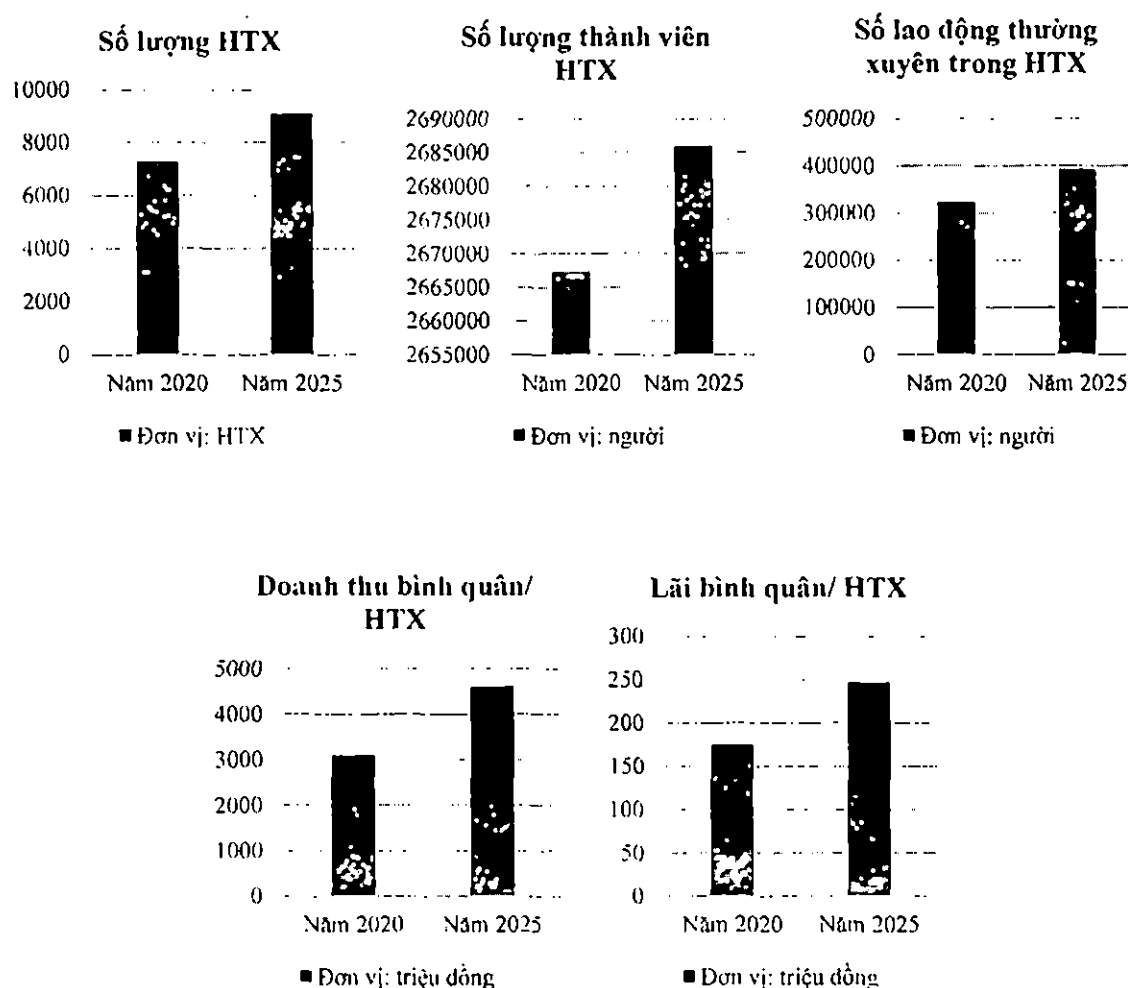
Nhận thức về vai trò và bản chất của mô hình HTX kiểu mới trong vùng ngày càng được cải thiện. Các địa phương đã chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý HTX; tăng cường tập huấn về kỹ năng quản trị, tiếp cận thị trường và chuyển đổi số. Các HTX hoạt động theo ngành nghề đặc thù của từng địa phương ngày càng đa dạng hơn, một số HTX (như tại Hải Phòng) đã chủ động liên kết với các HTX trên địa bàn tỉnh lân cận nhằm thúc đẩy hợp tác vùng theo chuỗi giá trị, gắn kết sản xuất với thị trường tiêu thụ, logistics và dịch vụ sau thu hoạch.

Tuy nhiên, số lượng HTX chuyên ngành phi nông nghiệp vẫn còn hạn chế, quy mô nhỏ, thiếu nguồn lực để phát triển chiều sâu. Mặc dù chủ trương phát triển HTX tiêu dùng trong khu công nghiệp, khu đô thị và chung cư đã được xác định, nhưng trên thực tế việc triển khai tại vùng Đồng bằng sông Hồng còn gặp nhiều khó khăn. Các địa phương chưa hình thành được mô hình HTX tiêu dùng điển hình, phần lớn HTX vẫn tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông thôn.

Ước đến 31/12/2025, vùng Đồng bằng Sông Hồng có 9.083 HTX. So với năm 2020, số HTX tăng 1.810 HTX (tăng 24,8%); tổng số thành viên HTX là 2.686.003 thành viên (tăng 18.627 thành viên, tăng 0,7% so với năm 2020); tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2025 là 393.096 người (tăng 69.339 người, tăng 21,4% so với năm 2020). Doanh thu bình quân của HTX đạt 4.615 triệu đồng/HTX/năm, tăng 1.509 triệu đồng (tăng 48,5% so với năm

2020); lãi bình quân của 01 HTX ước đạt 248 triệu đồng/HTX/năm, tăng 72,3 triệu đồng (tăng 41,4% so với năm 2020).

Biểu đồ 3. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX vùng Đồng bằng sông Hồng



2.3. Vùng Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung

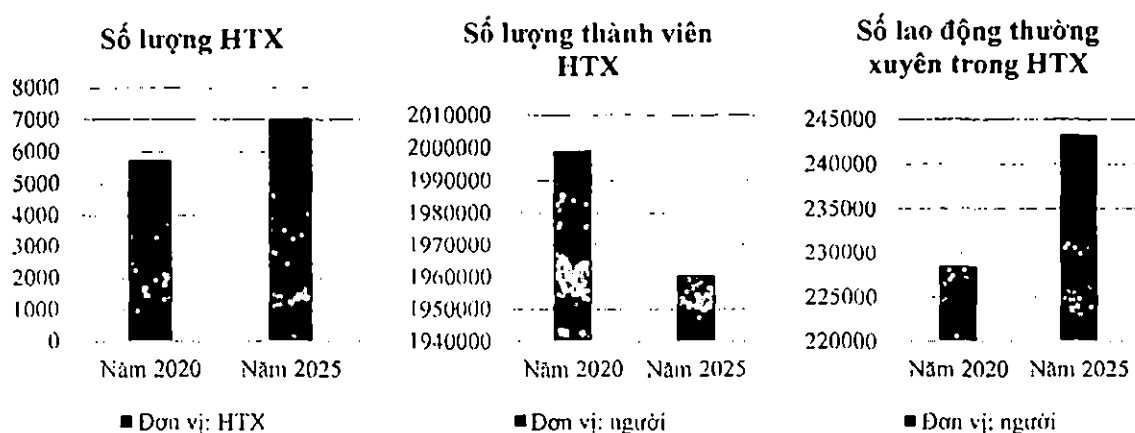
So với giai đoạn trước, bức tranh KTTT, HTX của vùng Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung đã có sự chuyển biến căn bản về chất, với nhiều mô hình không chỉ tồn tại vì mục tiêu an sinh, mà đã chuyển sang hướng thị trường, có tư duy sản xuất - kinh doanh, đổi mới quản trị và ứng dụng công nghệ. Xu hướng phát triển các HTX gắn với thế mạnh tự nhiên của vùng - biển, rừng và nông nghiệp địa hình trung du nổi lên mạnh mẽ như tại Hà Tĩnh, mô hình HTX nuôi trồng thủy sản và trồng rừng kinh tế có sự đầu tư bài bản về kỹ thuật và liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ (HTX Lâm nghiệp Hợp Thành, Hương Khê). Đây là bước tiến cho thấy HTX đã hình thành chuỗi từ sản xuất - sơ chế - tiêu thụ, đồng thời góp phần vào bảo vệ tài nguyên rừng.

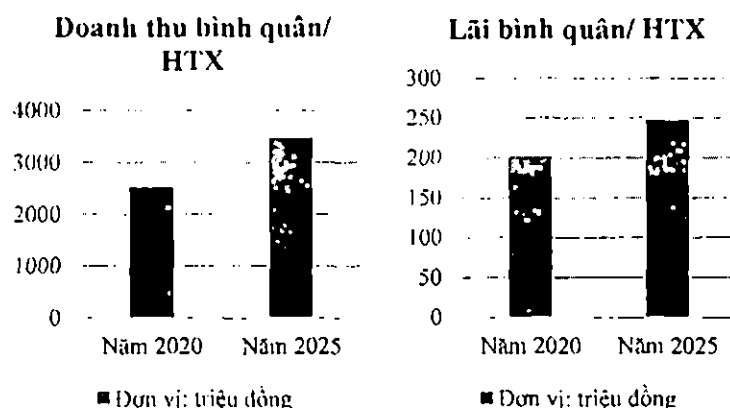
Bên cạnh đó, khả năng thích ứng với kinh tế thị trường và biến động bên ngoài của các HTX trong vùng đã được cải thiện rõ rệt, thể hiện qua việc mở rộng quy mô, đa dạng thành viên và từng bước chuyên nghiệp hóa quản lý. HTX Dịch vụ tổng hợp An Phú (Hà Tĩnh) là một minh chứng tiêu biểu khi chủ động mở rộng số thành viên từ vài chục lên gần trăm hộ, phát triển vùng trồng cam và bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP, kết hợp số hóa truy xuất nguồn gốc sản phẩm - điều vốn trước đây là thế mạnh của doanh nghiệp, không phải HTX.

Một số địa phương như Nghệ An, Quảng Trị, Đà Nẵng, Thanh Hóa cũng cho thấy nỗ lực rõ nét trong việc thúc đẩy mô hình HTX du lịch gắn với tài nguyên văn hóa - sinh thái. Những mô hình như HTX Dược liệu Phù Mát (Nghệ An), HTX Nông trại Sa Mù (Quảng Trị) đã làm tốt việc tích hợp giữa sản xuất nông nghiệp sạch, trải nghiệm du lịch và giáo dục cộng đồng, tạo ra nguồn thu nhập kép và lan tỏa mô hình HTX kiểu mới, không còn bó hẹp trong sản xuất mà trở thành trung tâm kết nối kinh tế - xã hội - môi trường ở nông thôn.

Ước đến 31/12/2025, vùng Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung có 7.046 HTX, so với năm 2020, số HTX tăng 1.277 HTX (tăng 22,1%). Tổng số thành viên HTX là 1.960.707 thành viên (giảm 38.496 thành viên, giảm 1,9% so với năm 2020); tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2025 là 243.339 người (tăng 14.849 người, tăng 6,4% so với năm 2020). Doanh thu bình quân của HTX đạt 3.465 triệu đồng/HTX/năm, tăng 944 triệu đồng (tăng 37,4% so với năm 2020). Lãi bình quân của 01 HTX ước đạt 247,3 triệu đồng/HTX/năm, tăng 45,3 triệu đồng (tăng 22,4% so với năm 2020).

Biểu đồ 4. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX vùng Bắc trung bộ và duyên hải miền Trung





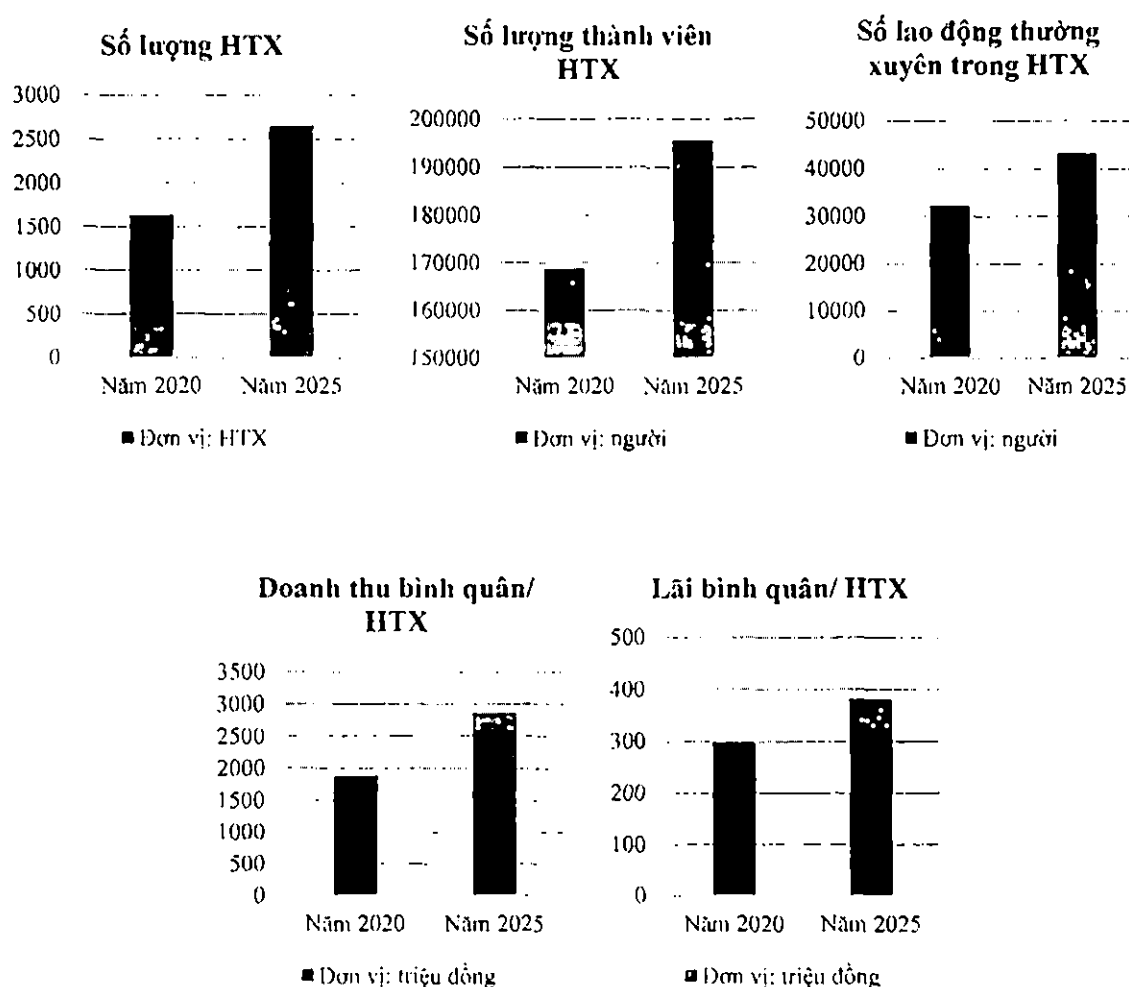
2.4. Vùng Tây Nguyên

Trong giai đoạn 2021-2025, khu vực KTTT, HTX đã từng bước trở thành một động lực quan trọng giúp khai thác hiệu quả các lợi thế địa phương, từ đó tạo sinh kế bền vững cho người dân và đóng góp thiết thực vào chương trình xây dựng nông thôn mới. So với giai đoạn trước, tư duy tổ chức sản xuất của hợp tác xã đã có sự thay đổi căn bản, khi mục tiêu không còn dừng lại ở việc hỗ trợ kỹ thuật hay tiêu thụ nội bộ, mà đã chuyển mạnh sang kinh doanh theo chuỗi giá trị và tiếp cận thị trường xuất khẩu. Tinh thần liên kết và hợp tác giữa các HTX trong vùng đang từng bước được củng cố. Đã hình thành một số mô hình liên kết theo chuỗi bắt giữa các HTX trồng rau, cây công nghiệp với doanh nghiệp chế biến và đơn vị phân phối (như tại Kon Tum, Đắk Nông), từ đó đảm bảo đầu ra, ổn định thu nhập thường xuyên cho người lao động.

Tại Lâm Đồng, mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ đến hệ thống hợp tác xã. Không chỉ dừng lại ở một vài mô hình thí điểm, các HTX như CNC Phi Liên, HTX Đạm M'Ri, hay HTX Vườn Nhà Đà Lạt đã triển khai quy trình sản xuất hiện đại với nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới nhỏ giọt tự động... Các tỉnh như Đắk Lắk, Gia Lai đã hình thành các mô hình HTX gắn với thế mạnh cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu. Các HTX bắt đầu chuyển từ mô hình truyền thống sang sản xuất hữu cơ, kết hợp thương hiệu địa phương và xây dựng vùng nguyên liệu. Đây là bước đi có ý nghĩa chiến lược trong bối cảnh thị trường nông sản đang ngày càng ưu tiên tiêu chuẩn chất lượng, tính minh bạch và khả năng truy xuất nguồn gốc.

Ước đến hết năm 2025, vùng Tây Nguyên có 2.649 HTX, tăng 1.013 HTX (tăng 61,9%) so với năm 2020. Tổng số thành viên HTX là 195.601 thành viên (tăng 26.774 thành viên, tăng 15,8% so với năm 2020); tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2025 là 43.371 người (tăng 11.130 người, tăng 33,4% so với năm 2020). Doanh thu bình quân của HTX đạt 2.862 triệu đồng/HTX/năm, tăng 981 triệu đồng (tăng 52,1% so với năm 2020). Lãi bình quân của 01 HTX ước đạt 382 triệu đồng/HTX/năm, tăng 83,2 triệu đồng (tăng 27,8% so với năm 2020).

Biểu đồ 5. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX vùng Tây Nguyên



2.5. Vùng Đông Nam bộ

Khu vực KTTT, HTX trong Vùng đã đạt được những bước tiến đáng kể, nổi bật là xu hướng mở rộng HTX ra ngoài lĩnh vực nông nghiệp truyền thống, phát triển các ngành có tiềm năng như chế biến, vận tải, thương mại điện tử.... Nhiều hợp tác xã đã chủ động đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất, khả năng cạnh tranh như HTX Công nghệ cao Long Thành Phát (Đồng Nai) đã xây dựng chuỗi chăn nuôi gà theo mô hình khép kín ứng dụng công nghệ tự động, đem lại giá trị sản phẩm cao gấp nhiều lần so với phương thức truyền thống.

Các tỉnh như Đồng Nai, Tây Ninh có nhiều HTX hoạt động hiệu quả trong các lĩnh vực như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, vận tải và thương mại. Mô hình nổi bật trong lĩnh vực nông nghiệp, không chỉ phát triển vùng trồng theo hướng an toàn sinh học mà còn kết hợp với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ nông sản theo chuỗi, góp phần nâng cao thu nhập cho thành viên và đóng góp tích cực cho

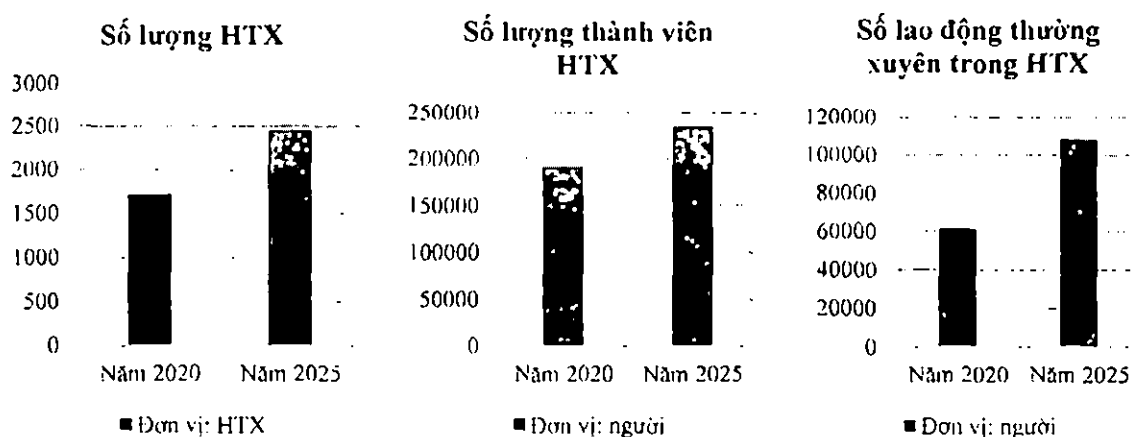
chương trình xây dựng nông thôn mới (ví dụ như HTX Măng Cầu Thạnh Tân, HTX Tân Tiến Suối Ngô).

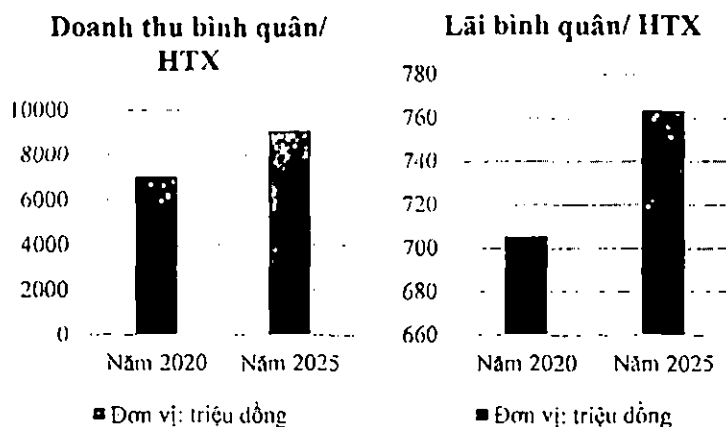
Việc liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị cũng được các HTX trong vùng triển khai mạnh mẽ. Ghi nhận tại Đồng Nai có tới 70 HTX tham gia vào chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, thực hiện phát triển các sản phẩm từ các chuỗi liên kết thành sản phẩm OCOP. Trong khi đó, tại Bà Rịa - Vũng tàu có 33 HTX thực hiện liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thông qua việc thúc đẩy ký kết các hợp tác đồng liên kết giữa thành viên - HTX - doanh nghiệp. Kết quả của việc chủ động liên kết là việc HTX gia tăng khả năng tiếp cận vốn, thị trường, qua đó đảm bảo ổn định đầu ra và tăng thu nhập, cải thiện đời sống thành viên.

Bên cạnh đó, nhiều THT trong vùng cũng có sự chuyển biến tích cực, ngày càng phát huy vai trò là tiền đề hình thành HTX. Các THT trong lĩnh vực thu gom rác thải, vệ sinh môi trường, cung ứng giống cây trồng – vật nuôi, thủy lợi... đã từng bước hình thành mạng lưới hợp tác kinh tế quy mô nhỏ nhưng bền vững, tạo nền móng để chuyển đổi lên mô hình HTX. Ví dụ, THT thu gom rác thải tại huyện Long Khánh (Đồng Nai) đã phát triển thành HTX Vệ sinh môi trường Tân Phú, hoạt động ổn định và có đóng góp tích cực cho địa phương.

Ước đến 31/12/2025, vùng Đông Nam bộ có 2.456 HTX, tăng 738 HTX (tăng 42,9%) so với năm 2020. Tổng số thành viên HTX là 235.232 thành viên (tăng 43.758 thành viên, tăng 22,8% so với năm 2020); tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2025 là 108.469 người (tăng 46.952 người, tăng 76,3% so với năm 2020). Doanh thu bình quân của HTX đạt 9.801 triệu đồng/HTX/năm, tăng 2.763 triệu đồng (tăng 39,2% so với năm 2020). Lãi bình quân của 01 HTX ước đạt 763,5 triệu đồng/HTX/năm, tăng 58 triệu đồng (tăng 8,2% so với năm 2020).

Biểu đồ 6. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX vùng Đông Nam Bộ





2.6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

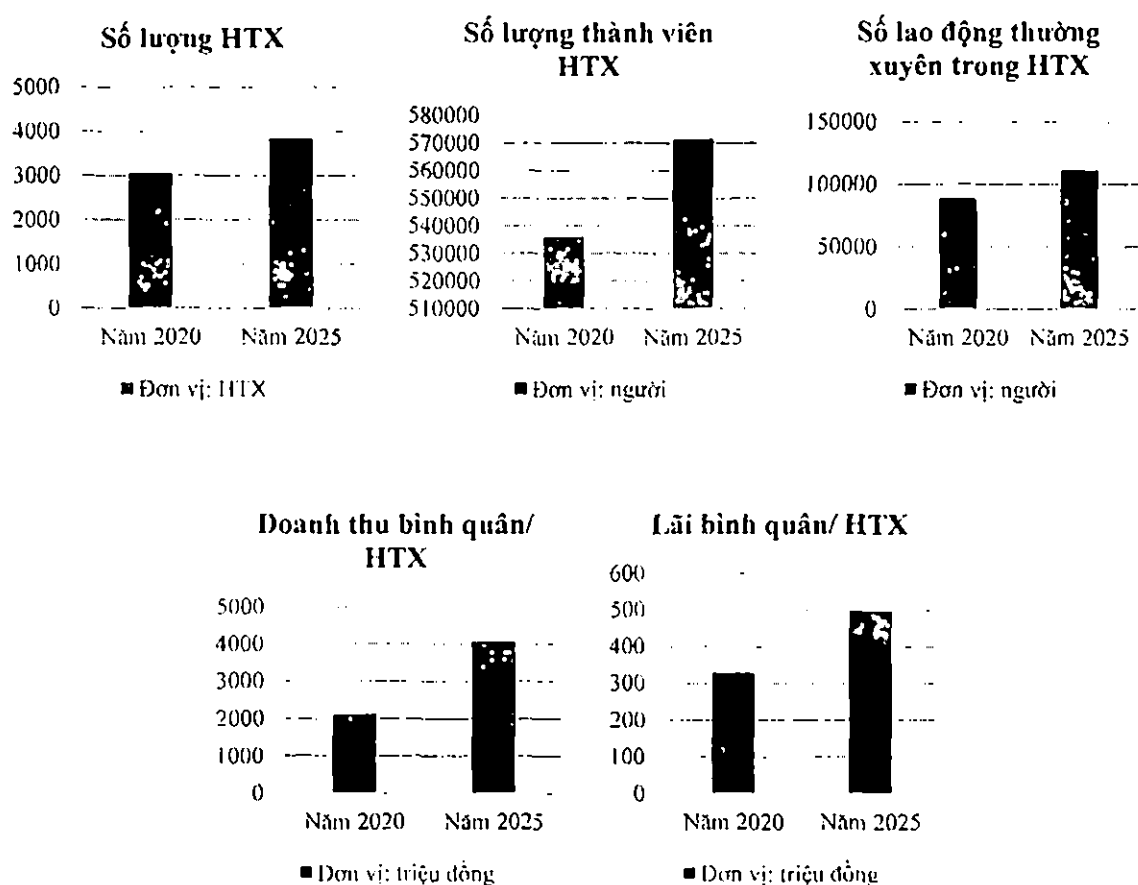
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm sản xuất lúa gạo, thủy sản và cây ăn trái lớn nhất cả nước nhưng cũng là vùng bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, nhiều HTX đóng vai trò tổ chức sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu và liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, giúp ngành nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Các mô hình HTX lúa - tôm, HTX trồng xoài, chôm chôm, sầu riêng... phát triển theo hướng mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại, quy mô lớn và ứng dụng công nghệ cao. Quá trình này không chỉ xuất phát từ yêu cầu nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh, mà còn là phản ứng chiến lược trước tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu. Bên cạnh các sản phẩm truyền thống như lúa gạo, thủy sản và cây ăn trái vốn là thế mạnh đặc trưng của vùng, nhiều HTX tại các tỉnh như Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long cũng đã chủ động chuyển đổi mô hình sản xuất sang nông nghiệp hữu cơ và chế biến sâu để mở rộng thị trường xuất khẩu.

Phát triển các HTX du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch gắn với nông nghiệp là một hướng đi mới và dần trở thành xu thế, đã hình thành một số mô hình tiên phong, có hiệu quả cao. Ở Bến Tre, mô hình HTX du lịch sinh thái miệt vườn gắn với sông nước, làng nghề truyền thống được triển khai thành công không chỉ góp phần giữ gìn văn hóa bản địa mà còn mở rộng không gian kinh tế cho nông dân. Tuy quy mô còn nhỏ, nhưng các mô hình này chứng minh khả năng mở rộng lĩnh vực hoạt động của HTX ra ngoài nông nghiệp đơn thuần, phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế xanh và du lịch trải nghiệm.

Bên cạnh đó, nuôi trồng và chế biến thủy sản đang dần được tổ chức lại theo hướng bền vững thông qua việc thành lập các HTX thủy sản quy mô vừa, liên kết với doanh nghiệp trong khâu chế biến và tiêu thụ. Tỉnh Trà Vinh và Cà Mau đã có những bước đi đầu tiên trong việc khuyến khích xây dựng HTX dịch vụ thủy sản, đồng thời xúc tiến thành lập liên hiệp HTX lúa gạo - trái cây - thủy sản để nâng cao sức cạnh tranh của khu vực KTTT. Xu hướng hình thành các liên hiệp HTX liên ngành, liên tỉnh hứa hẹn sẽ mở ra không gian hợp tác rộng hơn, từ đó tạo sức mạnh tổng hợp cho toàn vùng.

Ước đến 31/12/2025, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 3.841 HTX, tăng 777 HTX (tăng 25,3%) so với năm 2020. Tổng số thành viên HTX là 571.542 thành viên (tăng 35.370 thành viên, tăng 6,7% so với năm 2020); tổng số lao động thường xuyên trong HTX ước đến hết năm 2025 là 111.471 người (tăng 22.420 người, tăng 25,1% so với năm 2020). Doanh thu bình quân của HTX đạt 4.067 triệu đồng/HTX/năm, tăng 1.938 triệu đồng (tăng 91% so với năm 2020). Lãi bình quân của 01 HTX ước đạt 498,6 triệu đồng/HTX/năm, tăng 170 triệu đồng (tăng 51,7% so với năm 2020).

Biểu đồ 7. Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KTTT, HTX vùng Đồng bằng sông Cửu Long



Đánh giá chung, việc phát triển KTTT, HTX theo vùng, lãnh thổ giai đoạn 2021 - 2025 đã được các bộ ngành, địa phương triển khai và bám sát định hướng tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Phân bổ số lượng các HTX phân theo vùng tương đối đồng đều. Các địa phương đã tập trung phát triển khu vực HTX gắn với thế mạnh của vùng, khai thác có hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy phát triển mô hình HTX kiểu mới theo hướng xanh, tuần hoàn, áp dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ cao. Hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX ngày càng được cải thiện, đời sống của thành viên HTX được nâng cao, đặc biệt là tại địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, qua đó

đóng góp vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển bền vững.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Kết quả thực hiện các nhóm giải pháp

1.1. Về công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Việc thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, người dân về vị trí, vai trò, bản chất và tầm quan trọng của KTTT, HTX được chú trọng. Công tác triển khai Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục triển khai Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX; Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới phát triển KTTT trong giai đoạn mới và các chương trình hành động của Chính phủ được thực hiện một cách có hiệu quả, đồng bộ trên toàn quốc, góp phần giúp cán bộ, đảng viên và người dân nhận thức đúng, đầy đủ về bản chất, vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Giai đoạn 2021 - 2025, các bộ, ngành trung ương đã triển khai công tác tuyên truyền, vận động phát triển KTTT, HTX một cách bài bản, ngày càng đổi mới về nội dung, hình thức và đối tượng tiếp cận. Các bộ ngành, địa phương đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, thành viên HTX. Hằng năm, Bộ Tài chính đã tổ chức Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã hàng năm do Thủ tướng Chính phủ chủ trì, tổ chức xây dựng các chương trình truyền hình, phóng sự, tọa đàm tuyên truyền chính sách pháp luật về HTX; Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức 25 hội nghị, hội thảo chuyên đề về KTTT, HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; Liên minh HTX tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền như: Tháng hành động vì hợp tác xã, Ngày hội Hợp tác xã, Hội chợ xúc tiến thương mại, Diễn đàn Hợp tác xã quốc gia...

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm tổ chức thường xuyên. Tính chung, giai đoạn 2021-2025, đã tổ chức khoảng 3.300 lớp tập huấn tại các địa phương và khoảng 260.959 lượt cán bộ quản lý, thành viên HTX được hỗ trợ tập huấn, bồi dưỡng (trong đó có gần 13.236 cán bộ hợp tác xã được hỗ trợ đào tạo từ sơ cấp đến đại học) với tổng kinh phí trên 400 tỷ đồng (trong đó ngân sách Trung ương 308 tỷ đồng). Nội dung đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, đáp ứng được một phần yêu cầu tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX, được điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương như: Hướng dẫn nội dung các văn bản quy phạm pháp luật về

HTX, các Luật liên quan, các vấn đề về tài chính, kế toán, tổ chức quản lý HTX, hướng dẫn xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, chuyển đổi số...

Hình thức đào tạo, bồi dưỡng phong phú, tập trung vào tổ chức tập huấn, bồi dưỡng dài ngày cấp chứng chỉ, đến các hội thảo, hội nghị, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm, học tập kết hợp thăm quan mô hình, điển hình thực tế... Các khóa bồi dưỡng đã góp phần giúp cho cán bộ quản lý trong các HTX cải thiện về công tác tổ chức điều hành, từng bước kinh doanh hiệu quả, cải thiện chất lượng HTX yếu kém, trung bình, nâng số lượng HTX khá giỏi với mô hình HTX đa dạng, ngành nghề kinh doanh phù hợp, đáp ứng nhu cầu thị trường. Ngoài ra, từ năm 2023, lần đầu tiên tại nước ta, Học viện Chính sách phát triển (cơ sở giáo dục đại học và sau đại học của Bộ Tài chính) đã có ngành học cấp đại học về KTTT, HTX nhằm cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực KTTT.

1.2. Về hoàn thiện thể chế, xây dựng môi trường sản xuất, kinh doanh

Trong giai đoạn 2021 - 2025, khung khổ pháp lý về KTTT, HTX đã được hoàn thiện tương đối đầy đủ, tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, thúc đẩy các HTX phát triển bền vững. Cụ thể, trên cơ sở tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 và tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu Chính phủ trình Quốc Hội ban hành Luật HTX 2023 và các văn bản hướng dẫn³.

Đặc biệt trong năm 2025, nhằm kịp thời hoàn thiện các quy định phù hợp với bối cảnh xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp, Bộ Tài chính đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (trong đó quy định rõ nội dung phân cấp thuộc lĩnh vực KTTT, HTX) và ban hành Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 về biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, THT, HTX, LHHTX khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Bên cạnh đó, các bộ, ngành, cơ quan trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao cũng đã kịp thời ban hành các văn bản chuyên ngành thuộc lĩnh vực

³Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật HTX; Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về đăng ký THT, HTX, LHHTX; Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký THT, HTX, LHHTX và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về HTX; Thông tư số 71/2024/TT-BTC ngày 07/10/2024 hướng dẫn chế độ kế toán.

phụ trách nhằm thúc đẩy phát triển khu vực KTTT, HTX. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng và triển khai các Đề án: Đề án Thí điểm xây dựng vùng nguyên liệu nông, lâm sản đạt chuẩn phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu giai đoạn 2022-2025; Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030... Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 và ban hành 05 Thông tư⁴ quy định về hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

Tại địa phương, Ban chỉ đạo về đổi mới, phát triển KTTT, HTX và UBND cấp tỉnh đã ban hành trên 1.100 văn bản triển khai các cơ chế, chính sách phát triển KTTT; xây dựng và triển khai các chương trình phối hợp với các sở, ngành triển khai các mục tiêu phát triển KTTT, HTX theo Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tập trung triển khai Nghị định số 45/2021/NĐ-CP về Quỹ hỗ trợ phát triển HTX; tổ chức các hội nghị, hội thảo cấp quốc gia đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai Nghị định số 45/NĐ-CP và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các HTX trong tiếp cận vốn; xây dựng đề án củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Việt Nam...

Đánh giá chung, các quy định mới được ban hành đã bổ sung tương đối đầy đủ cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển KTTT, HTX, trong đó bao gồm các quy định về phát triển kết cấu hạ tầng, cho thuê đất, xúc tiến thương mại, hỗ trợ tư vấn, phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ... đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Việc kịp thời rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy định đã tạo hành lang pháp lý thuận lợi để phát triển KTTT, HTX; thúc đẩy các HTX đổi mới hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh, ngày càng khẳng định được vai trò trong nền kinh tế.

1.3. Về củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KTTT, HTX

Việc củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về KTTT, HTX được thực hiện theo đúng Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới. Qua đó, bộ máy quản

⁴Các Thông tư số: 13/2024/IT-NHNN ngày 28/6/2024; số 27/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024; số 28/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024; số 29/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024; số 36/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024.

lý nhà nước về kinh tế tập thể từ Trung ương đến địa phương từng bước được củng cố và tăng cường; đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KTTT có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo chuyên sâu về kinh tế tập thể, có tư tưởng chính trị vững vàng, có năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để khu vực KTTT, HTX phát triển lành mạnh, đúng định hướng.

Ban Chỉ đạo quốc gia về KTTT và Ban chỉ đạo phát triển KTTT cấp tỉnh được kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo sự thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt, toàn diện trong lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, điều hành, tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết và pháp luật về phát triển KTTT, HTX⁵. Trên cơ sở thực hiện chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương đã tổ chức cơ cấu lại bộ máy, hoàn thiện các quy định, quy chế quản lý công tác cán bộ phù hợp quy định của Đảng và Nhà nước.

1.4. Về hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KTTT, HTX

Việc hỗ trợ tổ chức lại hoạt động của HTX được bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương với các nội dung tuyên truyền, tư vấn về quy định pháp luật HTX, tư vấn xây dựng điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh và hướng dẫn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động theo Luật HTX. Việc chuyển đổi mô hình, tổ chức lại bộ máy, giải thể HTX không hiệu quả cũng được chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động toàn khu vực KTTT. Để hỗ trợ các tổ chức KTTT, HTX, Bộ Tài chính đã thành lập 03 đơn vị sự nghiệp công lập⁶ có chức năng hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ công cơ bản cho, thiết yếu của các HTX như đào tạo, bồi dưỡng, thông tin, thị trường và phát triển mô hình...

Các địa phương đã hỗ trợ thành lập mới, củng cố cho 10.387 HTX, LHHTX với tổng kinh phí ước tính khoảng 129.345 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương. Một số chính sách hỗ trợ khác cũng được các địa phương triển khai như: ưu đãi tín dụng, hỗ trợ giống, phân bón, bảo hiểm nông nghiệp, xây dựng sản phẩm OCOP... với tổng kinh phí gần 2.623 tỷ đồng cho khoảng 3.891 HTX. Ngoài ra, các địa phương tích cực lồng ghép các nguồn lực địa phương, triển khai mô hình HTX kiểu mới theo chuỗi giá trị, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng hoạt động HTX. Chính sách thu hút cán bộ trẻ về làm việc tại HTX

⁵ Giai đoạn 2021 - 2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: Quyết định 1242/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 về kiện toàn Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX; Quyết định 1485/QĐ-TTg ngày 29/11/2024 phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về KTTT; Quyết định 144/QĐ-BCĐQGKTTT ngày 16/12/2024 về Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về KTTT.

⁶ Trung tâm Thông tin doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh; Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh khu vực phía Bắc; Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hộ kinh doanh khu vực phía Nam.

cũng được đẩy mạnh với 111 tỷ đồng tiền lương cho khoảng 1.362 cán bộ kỹ thuật, kế toán về làm việc cho các HTX. Theo thống kê sơ bộ, tổng kinh phí thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ là 5.646.029 triệu đồng, trong đó ngân sách trung ương là 3.056.333 triệu đồng và ngân sách địa phương: 1.625.184 triệu đồng.

1.5. Về tăng cường vai trò, trách nhiệm của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển KTTT, HTX

Giai đoạn 2021 - 2025 tiếp tục ghi nhận những đóng góp tích cực, vị trí nòng cốt của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam trong việc hỗ trợ phát triển khu vực KTTT, HTX. Với vai trò là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thành viên, Liên minh HTX các cấp đã chủ động nắm bắt kịp thời các mô hình, xu hướng phát triển KTTT, HTX để thực hiện các giải pháp hỗ trợ phù hợp; bám sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của thành viên để xử lý các vấn đề liên quan. Liên minh HTX Việt Nam đã tư vấn hỗ trợ thành lập mới 4.272 HTX.

Các tổ chức chính trị - xã hội cũng đã phát huy vai trò quan trọng trong vận động, hỗ trợ thành viên thành lập các HTX để phát triển kinh tế. Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đã vận động, hỗ trợ thành lập mới 852 HTX do phụ nữ tham gia quản lý, điều hành, thu hút trên 11.000 thành viên nữ; hỗ trợ thành lập mới trên 2.000 THT, thu hút trên 20.000 thành viên nữ tham gia; các cấp Hội Nông dân Việt Nam đã tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thành lập được 4.059 HTX, hỗ trợ thành lập được 28.911 tổ hợp tác.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã lồng ghép triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX gắn với việc thực hiện các chương trình, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phối hợp với chính quyền địa phương các cấp xây dựng và giới thiệu mô hình HTX hoạt động hiệu quả, kết nối liên doanh, liên kết giữa các HTX, giữa HTX và các doanh nghiệp. Hội Nông dân trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030” tạo điều kiện thuận lợi để các cấp Hội tiếp tục phát huy vai trò của mình vào phát triển KTTT trong nông nghiệp. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”. TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch số 187-KH/TWĐTN-TNNT ngày 04/3/2024 để tổ chức chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể...

1.6. Về tăng cường hợp tác quốc tế, huy động các nguồn lực xã hội tham gia thúc đẩy phát triển KTTT

Các hoạt động hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực tham gia thúc đẩy phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 diễn ra tương đối sôi nổi. Các bộ, ngành, cơ quan trung ương đã chủ động xây dựng, ký kết và triển khai các thỏa thuận quốc tế, văn kiện hợp tác với một số tổ chức như Agriterria, DGRV, Ủy ban châu Âu; phối hợp với các đại sứ quán như Ireland, Canada...triển khai các chương trình nghiên cứu trao đổi học kinh nghiệm quốc tế trong quản lý nhà nước và nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ, đào tạo cho khu vực HTX. Việc phối hợp, hợp tác quốc tế hiệu quả trong hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng quá trình xây dựng Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn, giúp các quy định mới thông thoáng, cởi mở và minh bạch hơn.

Giai đoạn 2015-2022, Đại sứ quán Canada tại Việt Nam cũng đã triển khai và hoàn thành Dự án Phát triển Hợp tác xã Việt Nam tại 05 địa phương của Việt Nam. Dự án đã thành công trong nỗ lực tăng khả năng cạnh tranh của 05 hợp tác xã kiểu mới quy mô lớn tại các vùng gắn với lợi thế các sản phẩm đặc sản của địa phương⁷, góp phần thực hiện Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (Dự án VnSAT) tại 13 tỉnh, thành phố thuộc vùng Tây Nguyên và ĐBSCL từ năm 2017-2022 với 2 ngành hàng chủ lực là cà phê và lúa gạo (Tổng nguồn vốn của Dự án là 288,237 triệu USD). Dự án đã giúp người nông dân, hợp tác xã và các tổ chức nông dân trong vùng hưởng lợi của dự án chuyển đổi sản xuất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các địa phương cũng đã chủ động tăng cường công tác hợp tác quốc tế nhằm triển khai các chương trình, đề án hỗ trợ hiệu quả gắn với đặc điểm kinh tế - xã hội đặc thù của tỉnh. Một số hoạt động nổi bật mà các địa phương đã triển khai có thể kể đến như Dự án “Phát triển chuỗi giá trị lúa gạo bền vững và bao trùm nông hộ nhỏ giai đoạn 2022 - 2026” do tỉnh Đồng Tháp phối hợp với Tổ chức Rikolto thực hiện; chương trình hợp tác quốc tế về công nghệ cao của tỉnh Ninh Bình đã hỗ trợ các thành viên HTX tham gia chuyên học tập ứng dụng công nghệ tiên tiến tại Asan - Hàn Quốc...

⁷ Các HTX bao gồm: HTX Bưởi da xanh Bến Tre, HTX Nho Evergreen Ninh Thuận, HTX Bò sữa Đơn Dương, HTX Bò sữa Evergrowth và HTX Thanh long Thanh Bình.

2. Kết quả huy động và sử dụng nguồn lực

Triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 kèm theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, địa phương đã ban hành các kế hoạch, chương trình, trong đó có cơ chế huy động mọi nguồn lực, vừa chỉ đạo, vừa triển khai thực hiện nhằm thúc đẩy khu vực kinh tế tập thể ngày một phát triển, khắc phục những yếu kém trong giai đoạn vừa qua. Trung ương đã có văn bản chỉ đạo⁸ các bộ ngành, địa phương có trách nhiệm bố trí vốn để thực hiện chính sách hỗ trợ KTTT, HTX.

Qua thống kê theo báo cáo của các bộ, ngành, địa phương, ước tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 là 5.646 tỷ đồng (Ngân sách trung ương: 3.056 tỷ đồng⁹; Ngân sách địa phương: 1.625 tỷ đồng; Nguồn vốn khác 965 tỷ đồng). Việc hỗ trợ trên đã tạo thêm động lực cho các HTX phát triển cả về số lượng và chất lượng, thu hút thêm nhiều thành viên tham gia, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của địa phương và cả nước.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, khu vực KTTT, HTX có những chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng; hoạt động hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, thực hiện tốt công tác, giảm nghèo; phong trào xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế ở địa phương; tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò của KTTT, HTX trong nền kinh tế quốc dân. Các chỉ tiêu cơ bản về số lượng và chất lượng (số lượng HTX; số HTX xếp loại khá và tốt; tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học; lãi của các HTX) đều đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Thứ hai, năng lực sản xuất, sức cạnh tranh và khả năng thích nghi của các HTX được nâng lên; đã hình thành nhiều mô hình HTX năng động, lĩnh vực sản

⁸ - Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 đã nêu: "Cân đối và bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của đất nước"; Bộ Tài chính có công văn số 2710/BKHHĐT-HTX ngày 12/5/2021 về bố trí vốn hỗ trợ kinh tế tập thể, hợp tác xã trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; Công văn số 22/PHHTX-TH ngày 07/6/2021 về chuẩn bị các dự án hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 đã nêu: "Cải thiện chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, bảo đảm thống nhất, đồng bộ".

⁹ Trong đó: Vốn ngành hỗ trợ HTX theo Luật HTX là 734,5 tỷ đồng; bổ sung vốn điều lệ Quỹ hỗ trợ phát triển HTX Việt Nam là 550 tỷ đồng; hỗ trợ các dự án đầu tư công phục vụ HTX thông qua Liên minh Hợp tác xã Việt Nam là 180 tỷ đồng.

xuất mới, mang lại giá trị kinh tế cao, như mô hình HTX tham gia liên kết, hợp tác với doanh nghiệp và các HTX khác gắn với chuỗi giá trị, HTX dịch vụ môi trường, HTX du lịch cộng đồng, nông nghiệp và sinh thái... Xuất hiện nhiều HTX được thành lập do phụ nữ, thanh niên, các đối tượng yếu thế... làm quản lý, điều hành hoạt động hiệu quả. Các HTX ngày càng mạnh dạn áp dụng các mô hình hoạt động mới như định hướng kinh doanh sản xuất theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững.

Thứ ba, phát triển KTTT, HTX theo ngành, lĩnh vực và theo vùng địa lý cơ bản thực hiện theo đúng định hướng tại Quyết định số 1318/QĐ-TTg và Quyết định số 340/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, góp phần thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế (đặc biệt là cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới), khai thác được tiềm năng, thế mạnh của từng ngành, từng vùng và từng địa phương.

Thứ tư, hệ thống chính sách, pháp luật về HTX được đổi mới và hoàn thiện với việc Trung ương ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022. Thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc hội đã ban hành Luật HTX năm 2023, Chính phủ và các bộ đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các HTX hoạt động. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều đề án chuyên đề để phát triển HTX gắn với thực các mục tiêu cụ thể như: Phát triển vùng nguyên liệu, HTX do phụ nữ điều hành, HTX do hội viên Hội nông dân thành lập và điều hành, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình HTX hiệu quả...

Thứ năm, đã huy động được nguồn lực nhất định để hỗ trợ cho khu vực KTTT, HTX. Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 5.646 tỷ đồng (Ngân sách trung ương: 3.056 tỷ đồng; Ngân sách địa phương: 1.625 tỷ đồng; Nguồn vốn khác 965 tỷ đồng). Qua đó, khả năng tiếp cận của các HTX đối với các chính hỗ trợ của Nhà nước được nâng lên. Nhờ những hỗ trợ của Nhà nước, các HTX đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, thu hút thêm nhiều thành viên tham gia, tăng thu nhập cho người lao động, đóng góp vào tăng trưởng GRDP của các địa phương và GDP của quốc gia theo hướng bền vững và bao trùm.

2. Tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về vị trí, vai trò của KTTT, HTX nhìn chung đã được nâng lên (đặc biệt sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022). Nhưng ở một số nơi nhận thức về vấn đề này còn hạn chế, chưa đầy đủ, chưa đúng mức. Ngoài ra, năng lực và

kinh nghiệm của bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX còn yếu, tình trạng cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ này kiêm nhiệm là chính.

Thứ hai, nhiều chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021-2025 không đạt mục tiêu đã đề ra (6/10 chỉ tiêu không đạt, trong đó nhiều chỉ tiêu quan trọng như phát triển, thu hút ngày càng đông các thành viên tham gia HTX, tổng số THT giảm sâu, số HTX ứng dụng công nghệ cao tuy có tăng nhưng mức độ đạt thấp...).

Thứ ba, việc bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển KTTT, HTX còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu theo các chính sách đã ban hành và nhu cầu thực tế của các HTX dẫn đến số lượng HTX tiếp cận các chính sách hỗ trợ vẫn còn thấp. Một số chính sách hỗ trợ còn chưa sát với nhu cầu, nội dung đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, thành viên và người lao động chưa được chuẩn hóa, hiệu quả còn chưa cao.

Thứ tư, việc các HTX liên kết với HTX, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác sản xuất theo chuỗi giá trị còn chưa phổ biến, hiệu quả và tính bền vững của liên kết chưa cao; hoạt động cung ứng dịch vụ của nhiều HTX còn giản đơn, manh mún, chưa chủ động liên doanh, liên kết với doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động kinh tế mang lại cho thành viên chưa cao; một số HTX thành lập còn chưa bảo đảm tính tự nguyện, hoạt động hình thức, chưa đúng bản chất, ...

Thứ năm, khu vực KTTT, HTX vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong nền kinh tế, ngày càng có xu hướng giảm và phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Phần lớn các HTX còn nhỏ lẻ, yếu về năng lực quản trị, thiếu vốn và khó tiếp cận tín dụng, cơ sở vật chất, trình độ về khoa học công nghệ lạc hậu, sức cạnh tranh còn yếu, trình độ cán bộ quản lý HTX hạn chế, việc mở rộng, phát triển thành viên tham gia HTX còn hạn chế.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân khách quan

Đại dịch Covid-19 đã gây ra hậu quả nặng nề và tác động tiêu cực tới sự phát triển của nền kinh tế nói chung và khu vực kinh tế tập thể nói riêng. Doanh thu và lợi nhuận của các HTX giảm sâu trong 2/5 năm thực hiện Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Đến nay, nhìn chung hậu quả Covid khắc phục chậm, kết hợp những yếu tố bất lợi mới như xung đột vũ trang, chiến tranh thương mại giữa các nước dẫn đến chuỗi cung ứng toàn cầu chậm phục hồi, chi phí logistic tăng, ảnh hưởng đến mọi ngành kinh tế trong đó có khu vực KTTT, HTX.

Một số chỉ tiêu giảm sâu như tổng số THT giảm nhiều so với cuối năm 2020 do một số tỉnh¹⁰ rà soát lại số liệu về THT (Thanh Hóa, Tuyên Quang, Cao

¹⁰ Báo cáo theo số liệu của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước ngày 01/7/2025 về thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính.

Bảng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hưng Yên...) theo quy định của Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác, và do dịch bệnh Covid-19 làm hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm bị ngưng trệ dẫn đến nhiều THT phải tự giải thể.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

a) Về phía các cơ quan Trung ương

(i) Các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện đôi khi chưa thật sự kịp thời¹¹, đồng bộ, một số địa phương còn lúng túng trong việc triển khai các chính sách hỗ trợ nên chưa quan tâm đúng mực đến công tác tham mưu để khai thác hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể.

(ii) Việc cân đối ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình còn hạn chế: Chưa có dòng ngân sách riêng cho hỗ trợ phát triển KTTT, HTX; vốn được lồng ghép trong kế hoạch trung hạn và hằng năm của trung ương và địa phương, từ các Chương trình mục tiêu quốc gia.

(iii) Một số chỉ tiêu theo Chiến lược 10 năm và Kế hoạch 5 năm khi xây dựng và ban hành đã đặt ra tham vọng khá cao, chưa sát với thực tế trong khi nguồn lực đầu tư cho KTTT, HTX chưa tương xứng, chưa dự báo được đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng từ tình hình khu vực và quốc tế.

b) Về phía các cơ quan địa phương

(i) Công tác tuyên truyền đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về củng cố và phát triển KTTT, HTX chưa mạnh và thực sự hiệu quả, một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò của KTTT nên chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động phát triển HTX;

(ii) Chưa bố trí đủ nguồn lực và chủ động hỗ trợ tổ chức KTTT, HTX; việc xây dựng kế hoạch phát triển tổ chức KTTT, HTX hằng năm và 5 năm tại địa phương chưa được quan tâm đúng mức, tính khả thi, hiệu lực hiệu quả của kế hoạch còn chưa cao.

c) Về phía các tổ chức KTTT

(i) Trình độ năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý HTX còn hạn chế, khó khăn trong việc tiếp cận chính sách mới, khoa học kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin. Vẫn còn tâm lý trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước.

¹¹ Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 hướng dẫn về cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình ban hành sau 01 năm Chương trình có hiệu lực.

(ii) Năng lực tài chính, cơ sở hạ tầng của các hợp tác xã, tổ hợp tác còn hạn chế nên khó mở rộng sản xuất, kinh doanh cũng như tham gia liên doanh, liên kết với nhau và với các tổ chức kinh tế khác. Các phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã còn giản đơn, chưa khả thi nên việc lựa chọn các HTX để đầu tư, nhân rộng còn hạn chế.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Dự báo trong giai đoạn 2026–2030, tình hình thế giới tiếp tục có nhiều bất ổn, nhưng cũng mở ra các cơ hội mới nhờ hội nhập quốc tế sâu rộng, Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, nhu cầu gia tăng về nông sản chất lượng cao và sản xuất theo chuỗi giá trị. Xu hướng phát triển KTTT, HTX Việt Nam sẽ tiếp tục diễn ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển bền vững, đòi hỏi các HTX phải nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn quốc tế, thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường năng lực quản trị và xây dựng các mô hình sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, hiện đại.

Việt Nam đang đứng trước một bước ngoặt lịch sử: kỷ nguyên mới của hội nhập quốc tế toàn diện, phát triển bền vững và khát vọng trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI. Trong bối cảnh đó, nhằm thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực KTTT, HTX, Bộ Chính trị đã ban Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển kinh tế tập thể. Chưa dừng lại ở đó, sự ra đời của “Bộ tứ chiến lược” là Nghị quyết số 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Nghị quyết số 59-NQ/TW về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân đã tạo ra khung khổ tư duy mới để “giải phóng năng lực quốc gia” trong kỷ nguyên toàn cầu hóa 4.0. Trong bối cảnh ấy, kinh tế hợp tác - thành phần có lịch sử lâu đời, thấm đượm tinh thần cộng đồng, đoàn kết và bình đẳng - cần được tiếp cận lại từ một tầm nhìn chiến lược, thoát khỏi định kiến cũ, được khơi dậy và “chấn hưng” để trở thành lực lượng tổ chức lại sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh, và giữ vai trò trụ cột trong nền kinh tế.

Bên cạnh các thuận lợi từ việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, sự hỗ trợ từ các cơ quan quản lý nhà nước và đối tác quốc tế, các HTX sẽ phải đối mặt với những thách thức lớn như sức ép cạnh tranh ngày càng gia tăng, yêu cầu đổi mới liên tục về công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và khả năng thích ứng với các biến động khó lường từ thị trường thế giới. Vì vậy, việc chủ động chuẩn bị các điều kiện về năng lực, tăng cường sự phối hợp, hỗ trợ từ các cấp, các ngành là yếu tố quyết định để khu vực KTTT, HTX vượt qua những thách thức và tận dụng hiệu quả các cơ hội phát triển trong thời gian tới.

II. QUAN ĐIỂM

1. Kinh tế tập thể, mà nòng cốt là hợp tác xã là thành phần kinh tế quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể xuất phát từ nhu cầu thiết thực, bảo vệ lợi ích cho thành viên, thúc đẩy sản xuất kinh doanh hiệu quả, bền vững và phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế.

2. Phát triển kinh tế tập thể bền vững phù hợp với năng lực, đảm bảo tôn trọng bản chất, giá trị, nguyên tắc hoạt động của kinh tế tập thể; phù hợp và phát huy tối đa lợi thế vùng, miền; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; phù hợp với điều kiện, đặc điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước.

3. Phát triển kinh tế tập thể cả về số lượng và chất lượng, với nhiều hình thức tổ chức đa dạng. Thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể theo hướng tổ chức sản xuất kinh doanh gắn với chuỗi giá trị, áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã và với doanh nghiệp song song với việc hài hòa lợi ích, nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích phát triển kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức.

4. Phát triển kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã phải dựa trên nội lực của tổ chức; Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Cấp ủy đảng, chính quyền các cấp coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên và trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo. Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức đại diện phát huy vai trò và phối hợp chặt chẽ trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

5. Phát triển kinh tế tập thể phù hợp và đáp ứng yêu cầu thực tiễn; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của kinh tế tập thể trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trên cơ sở tiếp thu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tiếp thu kinh nghiệm, ứng dụng linh hoạt, hiệu quả mô hình thành công trong nước và quốc tế góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả hoạt động.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể. Thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho các thành viên, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững

đất nước; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu tại Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Cả nước có khoảng 140 nghìn tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên, 45 nghìn hợp tác xã với 8 triệu thành viên, 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

b) Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60% - 70% tổng số hợp tác xã cả nước. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; khoảng 80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2030 cả nước có trên 5.000 hợp tác xã và 500 tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản.

d) Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

đ) Xử lý dứt điểm tình trạng các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KTTT GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Định hướng chung

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của từng vùng, miền, trong đó ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực của từng địa phương; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế tập thể; mở rộng quy mô thành viên. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng thu nhập cho thành viên. Thúc đẩy phát triển các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, trở thành mô hình tiêu biểu để nhân rộng, tạo động lực thu hút người dân, tổ chức và doanh nghiệp tham gia hoặc hợp tác với hợp tác xã.

2. Định hướng phát triển kinh tế tập thể theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

2.1. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Phát triển liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp để phát huy thế mạnh của từng hợp tác xã trong hỗ trợ các hợp tác xã khác và liên kết với doanh nghiệp, vươn tầm hoạt động ra địa bàn cả nước và xuất khẩu.

- Phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo mô hình dịch vụ tổng hợp, liên kết sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng, sản xuất hữu cơ. Tăng cường liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, viện, trường, và tổ chức tín dụng để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp. Nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tạo điều kiện tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng.

- Vận động thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp ở các địa bàn, lĩnh vực nông nghiệp mà các sản phẩm chủ lực còn ít hoặc chưa có hợp tác xã; phát triển quy mô thành viên trong các hợp tác xã, bảo đảm các địa bàn sản xuất nông nghiệp đều có hộ nông dân tham gia hợp tác xã.

2.2. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của các hợp tác xã hiện có. Chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã gắn với các chương trình khuyến công, chương trình phát triển công nghiệp, phát triển ngành nghề, xoá đói, giảm nghèo của từng địa phương.

- Từng bước nghiên cứu xây dựng một số liên hiệp hợp tác xã công nghiệp; hợp tác xã dịch vụ công nghiệp ở những vùng có nhiều làng nghề, cụm công nghiệp nông thôn, tạo tiền đề cho việc hình thành, phát triển các làng nghề mới. Giúp đỡ các hợp tác xã hiện đại hóa trang thiết bị, đổi mới công nghệ và sản phẩm, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã hiện có nhằm cung cấp dịch vụ cho thành viên, hiện đại hóa máy móc thi công, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến. Tham gia đấu thầu thi công hoặc ký hợp đồng thi công với chủ đầu tư; tổ chức giám sát; quản lý thi công theo quy định. Liên kết giữa các hợp tác xã việc làm và hợp tác xây dựng để chia sẻ công việc trong lĩnh vực xây dựng.

- Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã xây dựng áp dụng công nghệ chế tạo sẵn quy mô lớn theo hướng đa ngành nghề, kết hợp xây dựng, khai thác, sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công xây lắp, quản lý tòa nhà.

2.3. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ

- Xây dựng mô hình hợp tác xã thương mại theo hướng dịch vụ đa ngành nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất đồng thời góp phần tiêu thụ nông sản cho nông dân. Tiếp tục củng cố các liên hiệp hợp tác xã hiện có tại các thành phố lớn; các tỉnh, thành phố khác có thể thành lập một hoặc một số liên hiệp hợp tác xã để hỗ trợ các hợp tác xã thành viên về nguồn hàng, thị trường...

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp (mua bán hàng hóa, gia công chế biến, cung ứng dịch vụ), khuyến khích các hợp tác xã tham gia vào hệ thống phân phối hoặc chuỗi kinh doanh của các liên hiệp hợp tác xã thương mại hoặc các doanh nghiệp lớn nhằm liên kết để nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Tăng cường số lượng, chất lượng trong các hợp tác xã theo hướng hợp tác xã tập trung chuyên kinh doanh vận tải, tách bạch với hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ. Trên cơ sở đó xây dựng tính chuyên nghiệp và quy mô trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động vận tải.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực hợp tác xã vận tải; nâng cao chất lượng phương tiện vận chuyển, đáp ứng tối đa tiêu chí an toàn trên mọi lộ trình, rút ngắn thời gian di chuyển, giá thành hợp lý, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, ứng dụng công nghệ trong vận hành, quản lý.

2.4. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng - bảo hiểm

- Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức, đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững.

- Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên quỹ tín dụng nhân dân, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp - nông thôn, xóa bỏ tình trạng cho vay nặng lãi, đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là các hợp tác xã.

- Phát triển Ngân hàng Hợp tác xã có đủ năng lực tài chính, tăng cường năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững để thực hiện tốt vai trò là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân.

- Thực hiện tính liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn, bảo đảm an toàn hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các loại hình kinh tế tập thể là hợp tác xã khác trên phạm vi toàn quốc.

2.5. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực khác

- Tiếp tục thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ phục vụ đời sống cho người dân như: Nhà ở, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, du lịch.

+ Về nhà ở: Khuyến khích phát triển hợp tác xã nhà ở theo hướng các thành viên là người sử dụng (mua) căn hộ chung cư do hợp tác xã là chủ đầu tư và sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong chung cư do hợp tác xã cung ứng sau xây dựng. Khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ nhà ở trong các chung cư, khu dân cư, như dịch vụ vệ sinh, nước, điện, cung ứng thực phẩm.

+ Về y tế: Xây dựng và phát triển các hợp tác xã cung ứng các sản phẩm, dịch vụ chung cho các cơ sở khám chữa bệnh, như: thực phẩm phục vụ nhân viên và bệnh nhân; dịch vụ giặt, tẩy sạch; nhân sự chuyên môn; xây dựng và phát triển các hợp tác xã bệnh viện, y tế cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh, dịch vụ tư vấn sức khỏe, dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho thành viên, nhất là ở vùng nông thôn.

+ Về trường học: Phát triển các hợp tác xã dịch vụ trong các trường học cung ứng dịch vụ chung cho thành viên là học sinh, giáo viên của trường về: dịch vụ ăn uống, thực phẩm; dịch vụ ký túc xá, nhà ở; dịch vụ máy tính, photocopy, Internet; dịch vụ sinh hoạt văn hóa; dịch vụ du lịch, thực tập, vui chơi giải trí.

+ Về môi trường, bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải: Phát triển các hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải tại các khu dân cư mà thành viên là nhân dân sinh sống tại các khu vực đó. Xây dựng thí điểm nhân rộng cơ chế, chính sách để khuyến khích kinh tế tập thể, hợp tác xã tham gia vào thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, xử lý chất thải theo nguyên tắc của cơ chế thị trường, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của hợp tác xã hiện có, chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường, khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường tại khu vực dân cư mà thành viên là người dân sinh sống tại khu vực đó.

+ Về cung cấp nước sạch: Phát triển các hợp tác xã nước sạch tại các khu dân cư, nhất là ở nông thôn. Tùy điều kiện cụ thể, có thể độc lập hoặc lồng ghép với hợp tác xã nông nghiệp đa chức năng ở nông thôn.

- Phát triển hợp tác xã tiêu dùng nhằm hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới dịch vụ mua chung, bán chung, tận dụng những lợi thế của công nghệ thông tin để tối đa hóa lợi ích thành viên; giảm chi phí quản lý, dễ dàng thu hút thành viên tham gia, mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của hợp tác xã.

3. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo vùng, lãnh thổ

Thực hiện theo định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo vùng, lãnh thổ được quy định tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2030 và thực trạng chính quyền địa phương 2 cấp với số lượng 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về chủ trương phát triển kinh tế tập thể của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của HTX trong điều kiện mới; tránh tình trạng nhận thức không thống nhất,

không đầy đủ, bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình HTX kiểu cũ; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, HTX là xu thế tất yếu, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai tập huấn chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển KTTT, HTX. Đặc biệt là Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật HTX năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới.

- Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về KTTT, HTX như: qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo chuyên đề, hội nghị, tập huấn, tổ chức cuộc thi, in tờ rơi... Kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, điển hình KTTT, HTX tiên tiến, thành công, hiệu quả.

2. Về hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách

- Nghiên cứu, triển khai các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển HTX trong Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật HTX năm 2023, các văn bản hướng dẫn thi hành luật trên cơ sở thực tiễn địa phương, ngành, lĩnh vực, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách ưu đãi, và rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế những cơ chế, chính sách trước đây không còn phù hợp, không hiệu quả đảm bảo phát triển KTTT, HTX theo hướng bền vững, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong giai đoạn 2026-2030; ban hành và triển khai Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030.

- Tổ chức triển khai đồng bộ có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của trung ương, của địa phương về hỗ trợ phát triển HTX; Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển KTTT, HTX đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; nghiên cứu đề xuất giải pháp triển khai thực hiện, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, triển khai kịp thời đồng bộ các chủ trương của Đảng và Nhà nước, các chính sách hỗ trợ của trung ương và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho KTTT, HTX phát triển.

- Chủ động cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của địa phương theo từng năm và giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát triển KTTT, HTX. Chủ động rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù của địa phương (nhất là về đất đai,

tín dụng, liên kết sản xuất, khoa học công nghệ) phù hợp với Luật HTX 2023 và thực tiễn. Thực hiện công tác hỗ trợ một cách tập trung, tránh dàn trải, phân tán và thiếu nguồn lực thực hiện.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với HTX, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Cùng cố tổ chức bộ máy, kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể từ trung ương đến địa phương. Thường xuyên rà soát, đánh giá, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX theo hướng tăng cường trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo; chủ động đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới, phát triển KTTT, HTX.

- Tăng cường công tác thống kê, theo dõi, cập nhật thông tin, dữ liệu, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về HTX. Tăng cường cải cách hành chính, đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và chính sách, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về KTTT, HTX; phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia KTTT.

- Tăng cường minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, phối hợp xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

4. Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã theo đúng quy định của Luật HTX năm 2023. Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ lợi ích của thành viên trong HTX; vận động thành viên HTX góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động HTX thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả HTX nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn xử lý đối với các trường hợp hợp tác xã hoạt động không tuân thủ quy định theo Luật Hợp tác xã năm 2023. Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng của kinh tế tập thể gồm: Nợ tồn đọng kéo dài trong hợp tác xã (nợ nhà nước, nợ ngân hàng, nợ các tổ chức kinh tế khác, nợ thành viên, thành viên nợ hợp tác xã...). Rà soát, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả; xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đào tạo và thu hút người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về công tác tại các HTX, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng địa bàn khó khăn.

- Tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX. Tăng cường năng lực quản trị HTX theo hướng công khai, minh bạch; củng cố bộ máy kế toán, kiểm toán. Hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở vật chất nhằm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm từng bước thực hiện chuyển đổi số.

- Tiếp tục xây dựng và hình thành các mô hình HTX liên kết chuỗi trên tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho các HTX thực hiện hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế khác nhằm mở rộng phạm vi hoạt động, quy mô kinh doanh, mở rộng thị trường và đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Hướng dẫn các HTX trong lĩnh vực nông nghiệp chuyên hướng hoạt động theo mô hình dịch vụ tổng hợp, đa ngành, nghề, có nhiều dịch vụ; chú trọng tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ nông sản, gắn với xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ xây dựng và phát triển các HTX điểm trên lĩnh vực nông nghiệp, gắn với xây dựng chuỗi giá trị và sản phẩm OCOP của địa phương, nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, tạo việc làm và tăng thu nhập cho thành viên.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ, hướng đến sản xuất xanh, sản xuất tuần hoàn; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

- Tập trung ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong việc hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã; nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Rà soát, đánh giá kỹ nhu cầu của các hợp tác xã, nhất là nhu cầu xây dựng trụ sở, kho bãi, cơ sở chế biến, liên kết sản xuất, mở rộng thị trường, ... để có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Sáp nhập các hợp tác xã có quy mô nhỏ, cùng ngành nghề, cùng địa bàn để tăng cường tiềm lực tài chính và quy mô hoạt động.

5. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức hội khác trong việc vận động, giáo dục quần chúng, hội viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và thực hiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể.

- Phát huy vai trò nòng cốt của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cấp trong tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã, thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, là tổ chức đại

diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thành lập hợp tác xã; Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động, hoạt động tư vấn và hỗ trợ thành viên, tạo mối quan hệ chặt chẽ trong nội bộ từng hợp tác xã và giữa các thành viên hợp tác xã hoạt động trong cùng lĩnh vực.

- Nâng cao năng lực hoạt động để tham gia thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công và một số nhiệm vụ khác do các bộ, ngành và UBND tỉnh ủy thác theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn. Tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và thành viên của hợp tác xã trên cơ sở đổi mới phương thức giảng dạy.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tăng cường hợp tác với Liên minh HTX quốc tế (ICA) và các tổ chức quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm, thu hút nguồn lực trong phát triển KTTT, HTX. Tham gia và chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về HTX nhằm quảng bá và thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

- Đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế trong phát triển KTTT, HTX; Huy động mọi nguồn lực hỗ trợ phát triển KTTT, HTX ngoài ngân sách như hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); nguồn xã hội hóa...

- Thu hút nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, truyền thông và xây dựng mô hình điểm; tăng cường kết nối thị trường và xúc tiến thương mại quốc tế cho các sản phẩm của HTX; hợp tác nghiên cứu và xây dựng chính sách nhằm hoàn thiện thể chế, tạo thuận lợi cho sự phát triển của KTTT phù hợp với xu thế hội nhập.

7. Xây dựng, triển khai một số chương trình, đề án điển hình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho HTX thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, Quỹ bảo lãnh tín dụng và hệ thống ngân hàng thương mại. Cân đối, bố trí nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của HTX theo quy định của Luật HTX 2023 và các văn bản hướng dẫn. Tạo điều kiện về quy hoạch, đất đai cho HTX phát triển vùng nguyên liệu tập trung. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị sản xuất, chế biến.

- Xây dựng và triển khai một số chương trình liên quan đến phát triển HTX số; chương trình xây dựng mô hình HTX gắn với chuỗi giá trị; Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực quản lý HTX; Chương trình hỗ trợ HTX tiếp cận và ứng dụng chuyển đổi xanh, nông nghiệp tuần hoàn; Quỹ đầu tư phát triển HTX gắn với đổi mới sáng tạo...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực, địa bàn quản lý và xác định những nhiệm vụ cụ thể khác nhằm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; chủ động cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch, trong đó các bộ, ngành chủ động bố trí kinh phí cho các dự án có tính chất liên vùng, khu vực để hỗ trợ hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2023; rút kinh nghiệm việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu trong từng giai đoạn để đề xuất điều chỉnh, bổ sung các giải pháp trong quá trình thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, theo dõi tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch.

2. Hằng năm, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã để tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách và gửi Bộ Tài chính (Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về KTTT) tổng hợp và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chung của cả nước.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các mục tiêu, định hướng, giải pháp của Kế hoạch; thực hiện tốt chức năng giám sát, tuyên truyền, vận động cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã; tư vấn, hỗ trợ hội viên, thành viên, nhân dân tích cực tự nguyện tham gia các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã.

4. Bộ Tài chính theo dõi, kiểm tra, giám sát và sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Các bộ, ngành: NN&MT, XD, CT, NHNN;
- Các cơ quan TW của tổ chức CT-XH;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Lưu: VT, DNTN (74b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thắng

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ,
HỢP TÁC XÃ GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2025 của Bộ Tài Chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021 - 2025		Kế hoạch 2026 - 2030 ¹
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	35.000	35.041	45.000
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Nghìn người	7.100	5.984	8.000
3	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LHHTX	210	164	340
4	Tổng số hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã	HTX	1.100	1.057	1.700
5	Tổng số tổ hợp tác	THT	134.000	65.918	140.000
6	Tổng số thành viên của tổ hợp tác	Nghìn người	1.800	1.003	2.000

¹ Các mục tiêu kế hoạch lấy tối thiểu bằng mục tiêu tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 – 2030.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021 - 2025		Kế hoạch 2026 - 2030 ¹
			Kế hoạch	Thực hiện	
7	Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá trên tổng số hợp tác xã	%	60	78,1	60 - 70
8	Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học	%	24	25,5	25
9	Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao	HTX	3.000	2.600	5.000
10	Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị	%	35	40	50

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2025 của
 Bộ Tài Chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (lũy kế đến 31/12/2025)
I	HỢP TÁC XÃ			
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	26.112	35.041
	<i>Trong đó:</i>			
	Số hợp tác xã đang hoạt động	HTX	15.306	29.606
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	2.732	13.147
	Số hợp tác xã giải thể	HTX	1.229	4.493
	Số hợp tác xã đạt loại khá, tốt	HTX	11.093	27.375
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Nghìn người	5.875	5.984
3	Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Nghìn người	1.134	1.029
	<i>Trong đó:</i>			
	Số lao động là thành viên hợp tác xã	Nghìn người	450	629
4	Doanh thu bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	4.387	4.562

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (lũy kế đến 31/12/2025)
	<i>Trong đó:</i>			
5	Lãi bình quân một hợp tác xã	Triệu đồng/năm	314	421
6	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã	Triệu đồng/năm	51	64
7	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	107.506	135.986
	<i>Trong đó:</i>			
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người	50.056	66.230
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người	23.577	34.755
II	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
1	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX	100	164
	<i>Trong đó:</i>			
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX	23	65
2	Tổng số hợp tác xã thành viên	HTX	636	1.057
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người	22.092	29.597

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (lũy kế đến 31/12/2025)
4	Doanh thu bình quân của một liên hiệp HTX	Triệu đồng/năm	13.181	155.295
III	TỔ HỢP TÁC			
1	Tổng số tổ hợp tác	THT	65.225	65.918
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	993.987	1.003.039
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Triệu đồng/năm	523	769
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Triệu đồng/năm	85	81

Phụ lục 3
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTC ngày tháng năm 2025 của
Bộ Tài Chính)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (lũy kế đến 31/12/2025)
1	HỢP TÁC XÃ			
	Tổng số hợp tác xã	HTX	26.112	35.041
	<i>Trong đó:</i>			
	Hợp tác xã nông nghiệp	HTX	17.623	23.455
	Hợp tác xã công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương mại	HTX	2.006	5.934
	Hợp tác xã xây dựng, vận tải	HTX	824	2.983
	Hợp tác xã tín dụng	HTX	820	1.176
	Hợp tác xã khác	HTX	1.775	1.493
2	LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
	Tổng số LH hợp tác xã	LHHTX	100	164
	<i>Trong đó:</i>			
	LH hợp tác xã nông nghiệp	LHHTX	57	117
	LH hợp tác xã phi nông nghiệp	LHHTX	43	43

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 (lũy kế đến 31/12/2025)
3	TỔ HỢP TÁC			
	Tổng số tổ hợp tác	THT	65.225	65.918
	<i>Trong đó:</i>			
	Tổ hợp tác lĩnh vực nông nghiệp	THT	42.065	51.131
	Tổ hợp tác lĩnh vực phi nông nghiệp	THT	23.160	14.787

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã
giai đoạn 2026 - 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Tổ chức
chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 23 tháng 6 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Chính
phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số
20-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành
trung ương Đảng Khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả
kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;*

*Căn cứ Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai
đoạn 2021 – 2030;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn
2026 - 2030” gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là thành
phần quan trọng trong nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở
tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể. Thu hút ngày càng
nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và tổ chức tham gia kinh tế tập thể, hợp tác
xã; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho các thành viên,
góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững
đất nước; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu tại Chiến lược phát triển
kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Cả nước có khoảng 140 nghìn tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên, 45 nghìn hợp tác xã với 8 triệu thành viên, 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên.

b) Số hợp tác xã hoạt động đạt loại tốt, khá chiếm từ 60% - 70% tổng số hợp tác xã cả nước. Tỷ lệ cán bộ quản lý hợp tác xã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đạt ít nhất 25%; khoảng 80% giám đốc hợp tác xã được đào tạo sơ cấp nghề giám đốc.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2030 cả nước có trên 5.000 hợp tác xã và 500 tổ hợp tác ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản; thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với hàng hóa nông sản.

d) Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và hợp tác xã, phấn đấu có khoảng 50% hợp tác xã nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị.

đ) Xử lý dứt điểm tình trạng các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng chung

Phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của từng vùng, miền, trong đó ưu tiên xây dựng các mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị, gắn với sản phẩm chủ lực của từng địa phương; ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong phát triển kinh tế tập thể; mở rộng quy mô thành viên. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng thu nhập cho thành viên. Thúc đẩy phát triển các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, trở thành mô hình tiêu biểu để nhân rộng, tạo động lực thu hút người dân, tổ chức và doanh nghiệp tham gia hoặc hợp tác với hợp tác xã.

2. Định hướng theo ngành, lĩnh vực chủ yếu

a) Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Phát triển liên hiệp hợp tác xã trong nông nghiệp để phát huy thế mạnh của từng hợp tác xã trong hỗ trợ các hợp tác xã khác và liên kết với doanh nghiệp, vươn tầm hoạt động ra địa bàn cả nước và xuất khẩu.

- Phát triển hợp tác xã nông nghiệp theo mô hình dịch vụ tổng hợp, liên kết sản xuất - tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Hỗ trợ các hợp tác xã ứng dụng công nghệ

cao, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận chất lượng, sản xuất hữu cơ. Tăng cường liên kết giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, viện, trường, và tổ chức tín dụng để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

- Tăng cường hỗ trợ kết cấu hạ tầng cho các hợp tác xã nông nghiệp. Nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tạo điều kiện tăng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng.

- Vận động thành lập mới hợp tác xã nông nghiệp ở các địa bàn, lĩnh vực nông nghiệp mà các sản phẩm chủ lực còn ít hoặc chưa có hợp tác xã; phát triển quy mô thành viên trong các hợp tác xã, bảo đảm các địa bàn sản xuất nông nghiệp đều có hộ nông dân tham gia hợp tác xã.

b) Định hướng phát triển kinh tế tập thể hợp tác xã trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của các hợp tác xã hiện có. Chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã gắn với các chương trình khuyến công, chương trình phát triển công nghiệp, phát triển ngành nghề, xoá đói, giảm nghèo của từng địa phương.

- Từng bước nghiên cứu xây dựng một số liên hiệp hợp tác xã công nghiệp; hợp tác xã dịch vụ công nghiệp ở những vùng có nhiều làng nghề, cụm công nghiệp nông thôn, tạo tiền đề cho việc hình thành, phát triển các làng nghề mới. Giúp đỡ các hợp tác xã hiện đại hóa trang thiết bị, đổi mới công nghệ và sản phẩm, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất.

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã hiện có nhằm cung cấp dịch vụ cho thành viên, hiện đại hóa máy móc thi công, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến. Tham gia đấu thầu thi công hoặc ký hợp đồng thi công với chủ đầu tư; tổ chức giám sát; quản lý thi công theo quy định. Liên kết giữa các hợp tác xã việc làm và hợp tác xây dựng để chia sẻ công việc trong lĩnh vực xây dựng.

- Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã xây dựng áp dụng công nghệ chế tạo sẵn quy mô lớn theo hướng đa ngành nghề, kết hợp xây dựng, khai thác, sản xuất, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công xây lắp, quản lý tòa nhà.

c) Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ

- Xây dựng mô hình hợp tác xã thương mại theo hướng dịch vụ đa ngành nhằm phục vụ tốt nhu cầu sản xuất đồng thời góp phần tiêu thụ nông sản cho nông dân. Tiếp tục củng cố các liên hiệp hợp tác xã hiện có tại các thành phố lớn; các tỉnh, thành phố khác có thể thành lập một hoặc một số liên hiệp hợp tác xã để hỗ trợ các hợp tác xã thành viên về nguồn hàng, thị trường...

- Khuyến khích phát triển các hợp tác xã theo hướng kinh doanh tổng hợp (mua bán hàng hóa, gia công chế biến, cung ứng dịch vụ), khuyến khích các hợp

tác xã tham gia vào hệ thống phân phối hoặc chuỗi kinh doanh của các liên hiệp hợp tác xã thương mại hoặc các doanh nghiệp lớn nhằm liên kết để nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Tăng cường số lượng, chất lượng trong các hợp tác xã theo hướng hợp tác xã tập trung chuyên kinh doanh vận tải, tách bạch với hợp tác xã dịch vụ hỗ trợ. Trên cơ sở đó xây dựng tính chuyên nghiệp và quy mô trong tổ chức quản lý, điều hành hoạt động vận tải.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực hợp tác xã vận tải; nâng cao chất lượng phương tiện vận chuyển, đáp ứng tối đa tiêu chí an toàn trên mọi lộ trình, rút ngắn thời gian di chuyển, giá thành hợp lý, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, ứng dụng công nghệ trong vận hành, quản lý.

d) Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng - bảo hiểm

- Phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo đúng mục tiêu, tôn chỉ của loại hình tổ chức tín dụng là hợp tác xã theo quy định của pháp luật; có cơ cấu tổ chức, đủ năng lực tài chính, năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả, ổn định và bền vững.

- Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của thành viên quỹ tín dụng nhân dân, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển nông nghiệp - nông thôn, xóa bỏ tình trạng cho vay nặng lãi, đảm bảo an sinh xã hội và xóa đói, giảm nghèo bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tập thể, trong đó nòng cốt là các hợp tác xã.

- Phát triển Ngân hàng Hợp tác xã có đủ năng lực tài chính, tăng cường năng lực quản trị, điều hành, kiểm soát, hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững để thực hiện tốt vai trò là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân.

- Thực hiện tính liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn, bảo đảm an toàn hệ thống các quỹ tín dụng nhân dân, hỗ trợ thúc đẩy phát triển các loại hình kinh tế tập thể là hợp tác xã khác trên phạm vi toàn quốc.

d) Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong các lĩnh vực khác

- Tiếp tục thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ phục vụ đời sống cho người dân như: Nhà ở, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, du lịch.

- + Về nhà ở: Khuyến khích phát triển hợp tác xã nhà ở theo hướng các thành viên là người sử dụng (mua) căn hộ chung cư do hợp tác xã là chủ đầu tư và sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong chung cư do hợp tác xã cung ứng sau xây dựng. Khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ nhà ở trong các chung cư, khu dân cư, như dịch vụ vệ sinh, nước, điện, cung ứng thực phẩm.

- + Về y tế: Xây dựng và phát triển các hợp tác xã cung ứng các sản phẩm, dịch vụ chung cho các cơ sở khám chữa bệnh, như: thực phẩm phục vụ nhân viên

và bệnh nhân; dịch vụ giặt, tẩy sạch; nhân sự chuyên môn; xây dựng và phát triển các hợp tác xã bệnh viện, y tế cung ứng dịch vụ khám, chữa bệnh, dịch vụ tư vấn sức khỏe, dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho thành viên, nhất là ở vùng nông thôn.

+ Về trường học: Phát triển các hợp tác xã dịch vụ trong các trường học cung ứng dịch vụ chung cho thành viên là học sinh, giáo viên của trường về: dịch vụ ăn uống, thực phẩm; dịch vụ ký túc xá, nhà ở; dịch vụ máy tính, photocopy, Internet; dịch vụ sinh hoạt văn hóa; dịch vụ du lịch, thực tập, vui chơi giải trí.

+ Về môi trường, bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải: Phát triển các hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom, phân loại, xử lý chất thải tại các khu dân cư mà thành viên là nhân dân sinh sống tại các khu vực đó. Xây dựng thí điểm nhân rộng cơ chế, chính sách để khuyến khích kinh tế tập thể, hợp tác xã tham gia vào thu gom, phân loại rác thải tại nguồn, xử lý chất thải theo nguyên tắc của cơ chế thị trường, đặc biệt ở khu vực nông thôn.

- Tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của hợp tác xã hiện có, chú trọng phát triển các mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường, khuyến khích phát triển các hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường tại khu vực dân cư mà thành viên là người dân sinh sống tại khu vực đó.

+ Về cung cấp nước sạch: Phát triển các hợp tác xã nước sạch tại các khu dân cư, nhất là ở nông thôn. Tùy điều kiện cụ thể, có thể độc lập hoặc lồng ghép với hợp tác xã nông nghiệp đa chức năng ở nông thôn.

- Phát triển hợp tác xã tiêu dùng nhằm hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới dịch vụ mua chung, bán chung, tận dụng những lợi thế của công nghệ thông tin để tối đa hóa lợi ích thành viên; giảm chi phí quản lý, dễ dàng thu hút thành viên tham gia, mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động của hợp tác xã.

3. Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo vùng, lãnh thổ

Thực hiện theo định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo vùng, lãnh thổ được quy định tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030 và thực trạng chính quyền địa phương 2 cấp với số lượng 34 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

III. GIẢI PHÁP

Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, xây dựng giải pháp cụ thể nhằm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2026 - 2030, trong đó tập trung vào nhóm giải pháp sau:

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về chủ trương phát triển kinh tế tập thể của Đảng, Nhà nước về vị trí, vai trò và tầm quan

trọng của hợp tác xã trong điều kiện mới; tránh tình trạng nhận thức không thống nhất, không đầy đủ, bị chi phối, ảnh hưởng bởi định kiến về mô hình hợp tác xã kiểu cũ; xác định rõ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã là xu thế tất yếu, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và triển khai tập huấn chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Đặc biệt là Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, giáo dục phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về kinh tế tập thể, hợp tác xã như: qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo chuyên đề, hội nghị, tập huấn, tổ chức cuộc thi, in tờ rơi... Kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình, điển hình kinh tế tập thể, hợp tác xã tiên tiến, thành công, hiệu quả.

2. Về hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách

- Nghiên cứu, triển khai các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển HTX trong Nghị quyết số 20-NQ/TW, Luật Hợp tác xã năm 2023, các văn bản hướng dẫn thi hành luật trên cơ sở thực tiễn địa phương, ngành, lĩnh vực, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách ưu đãi và rà soát, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, hoặc thay thế những cơ chế, chính sách trước đây không còn phù hợp, không hiệu quả đảm bảo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng bền vững, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong giai đoạn 2026-2030; ban hành và triển khai Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2026 - 2030.

- Tổ chức triển khai đồng bộ có hiệu quả các chính sách hỗ trợ của trung ương, của địa phương về hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương; nghiên cứu đề xuất giải pháp triển khai thực hiện, tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, triển khai kịp thời đồng bộ các chủ trương của Đảng và Nhà nước, các chính sách hỗ trợ của trung ương và của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển.

- Chủ động cân đối, bố trí nguồn lực thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước đối với kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và điều kiện cụ thể của địa phương theo từng năm và giai đoạn 2026 - 2030.

- Nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi nhằm phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Chủ động rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù của địa phương (nhất là về đất đai, tín dụng, liên kết sản xuất, khoa học công nghệ) phù hợp với Luật Hợp tác xã năm 2023 và thực tiễn. Thực hiện công tác hỗ trợ một cách tập trung, tránh dàn trải, phân tán và thiếu nguồn lực thực hiện.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hợp tác xã, gắn liền với công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Cùng cố tổ chức bộ máy, kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể từ trung ương đến địa phương. Thường xuyên rà soát, đánh giá, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng tăng cường trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo; chủ động đề xuất các nhiệm vụ và giải pháp nhằm đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Tăng cường công tác thống kê, theo dõi, cập nhật thông tin, dữ liệu, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã. Tăng cường cải cách hành chính, đẩy mạnh kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện pháp luật và chính sách, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã; phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chương trình giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực quản lý, kinh tế, thương mại, công nghệ cho thành viên, những người tham gia kinh tế tập thể.

- Tăng cường minh bạch trong quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, phối hợp xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về kinh tế tập thể, liên thông với hệ thống đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

4. Đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Hướng dẫn tổ chức, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023. Phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bảo vệ lợi ích của thành viên trong hợp tác xã; vận động thành viên hợp tác xã góp vốn và nâng mức vốn góp; vận động hợp tác xã thu hút thêm thành viên mới; quan tâm phát triển cả hợp tác xã nông nghiệp và phi nông nghiệp.

- Chỉ đạo, hướng dẫn xử lý đối với các trường hợp hợp tác xã hoạt động không tuân thủ quy định theo Luật Hợp tác xã năm 2023. Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng của kinh tế tập thể gồm: Nợ tồn đọng kéo dài trong hợp tác xã (nợ nhà nước, nợ ngân hàng, nợ các tổ chức kinh tế khác, nợ thành viên,

thành viên nợ hợp tác xã...). Rà soát, sắp xếp lại các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả; xử lý dứt điểm các hợp tác xã ngừng hoạt động, chờ giải thể.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách đào tạo và thu hút người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về công tác tại các hợp tác xã, đặc biệt đối với vùng sâu, vùng xa, vùng địa bàn khó khăn.

- Tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã. Tăng cường năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng công khai, minh bạch; củng cố bộ máy kế toán, kiểm toán. Hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở vật chất nhằm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhằm từng bước thực hiện chuyển đổi số.

- Tiếp tục xây dựng và hình thành các mô hình hợp tác xã liên kết chuỗi trên tất cả các lĩnh vực, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã thực hiện hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức kinh tế khác nhằm mở rộng phạm vi hoạt động, quy mô kinh doanh, mở rộng thị trường và đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Hướng dẫn các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp chuyên hướng hoạt động theo mô hình dịch vụ tổng hợp, đa ngành, nghề, có nhiều dịch vụ; chú trọng tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ nông sản, gắn với xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp; chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. Phối hợp với các đơn vị có liên quan hỗ trợ xây dựng và phát triển các hợp tác xã điểm trên lĩnh vực nông nghiệp, gắn với xây dựng chuỗi giá trị và sản phẩm OCOP của địa phương, nhằm mục tiêu bảo vệ môi trường, tạo việc làm và tăng thu nhập cho thành viên.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ, hướng đến sản xuất xanh, sản xuất tuần hoàn; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa.

- Tập trung ưu tiên bố trí và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước trong việc hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã; nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

- Rà soát, đánh giá kỹ nhu cầu của các hợp tác xã, nhất là nhu cầu xây dựng trụ sở, kho bãi, cơ sở chế biến, liên kết sản xuất, mở rộng thị trường, ... để có giải pháp hỗ trợ phù hợp. Sáp nhập các hợp tác xã có quy mô nhỏ, cùng ngành nghề, cùng địa bàn để tăng cường tiềm lực tài chính và quy mô hoạt động.

5. Tăng cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên, các đoàn thể, hội, hiệp hội trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tiếp tục phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức hội khác trong việc vận động, giáo dục quần chúng, hội

viên, thành viên tự nguyện tham gia phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và thực hiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể.

- Phát huy vai trò nòng cốt của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cấp trong tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên.

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống Liên minh Hợp tác xã, thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, là tổ chức đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thành lập hợp tác xã; Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động, hoạt động tư vấn và hỗ trợ thành viên, tạo mối quan hệ chặt chẽ trong nội bộ từng hợp tác xã và giữa các thành viên hợp tác xã hoạt động trong cùng lĩnh vực.

- Nâng cao năng lực hoạt động để tham gia thực hiện các chương trình, dự án, dịch vụ công và một số nhiệm vụ khác do các bộ, ngành và UBND tỉnh ủy thác theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn. Tập trung tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và thành viên của hợp tác xã trên cơ sở đổi mới phương thức giảng dạy.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tăng cường hợp tác với Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) và các tổ chức quốc tế nhằm học hỏi kinh nghiệm, thu hút nguồn lực trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tham gia và chủ trì tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế về hợp tác xã nhằm quảng bá và thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

- Đẩy mạnh các hình thức hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; Huy động mọi nguồn lực hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ngoài ngân sách như hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); nguồn xã hội hóa...

- Thu hút nguồn lực hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho các chương trình nâng cao năng lực, đào tạo, truyền thông và xây dựng mô hình điểm; tăng cường kết nối thị trường và xúc tiến thương mại quốc tế cho các sản phẩm của hợp tác xã; hợp tác nghiên cứu và xây dựng chính sách nhằm hoàn thiện thể chế, tạo thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế tập thể phù hợp với xu thế hội nhập.

7. Xây dựng, triển khai một số chương trình, đề án điển hình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho hợp tác xã thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, Quỹ bảo lãnh tín dụng và hệ thống ngân hàng thương mại. Cân đối, bố trí nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2023 và các văn bản

hướng dẫn. Tạo điều kiện về quy hoạch, đất đai cho hợp tác xã phát triển vùng nguyên liệu tập trung. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị sản xuất, chế biến.

- Xây dựng và triển khai một số chương trình liên quan đến phát triển hợp tác xã số; chương trình xây dựng mô hình hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị; Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực quản lý hợp tác xã; Chương trình hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận và ứng dụng chuyển đổi xanh, nông nghiệp tuần hoàn; Quỹ đầu tư phát triển hợp tác xã gắn với đổi mới sáng tạo...

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Kinh phí lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.

- Kinh phí đóng góp từ các tổ chức kinh tế tập thể và các doanh nghiệp liên kết với tổ chức kinh tế tập thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực, địa bàn quản lý và xác định những nhiệm vụ cụ thể khác nhằm thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; chủ động cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch, trong đó các bộ, ngành chủ động bố trí kinh phí cho các dự án có tính chất liên vùng, khu vực để hỗ trợ hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2023; rút kinh nghiệm việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu trong từng giai đoạn để đề xuất điều chỉnh, bổ sung các giải pháp trong quá trình thực hiện; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, theo dõi tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch.

2. Hằng năm, các bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã để tích hợp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách và gửi Bộ Tài chính (Thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể) tổng hợp và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã chung của cả nước.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các mục tiêu, định hướng, giải pháp của Kế hoạch; thực hiện tốt chức năng giám sát, tuyên

truyền, vận động cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã; tư vấn, hỗ trợ hội viên, thành viên, nhân dân tích cực tự nguyện tham gia các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã.

4. Bộ Tài chính theo dõi, kiểm tra, giám sát và sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan trung ương có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ:...
- Lưu: VT, NN.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính